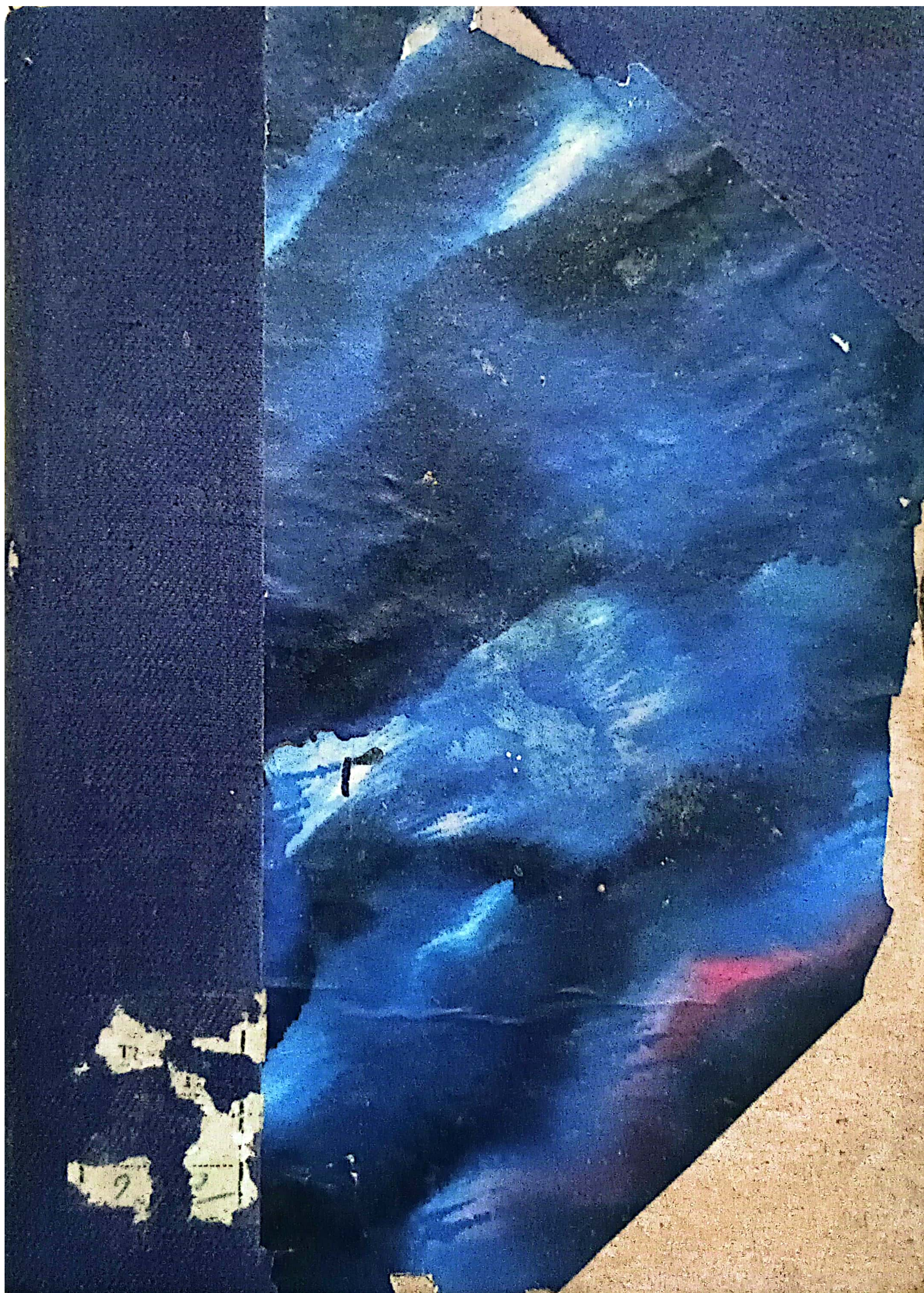
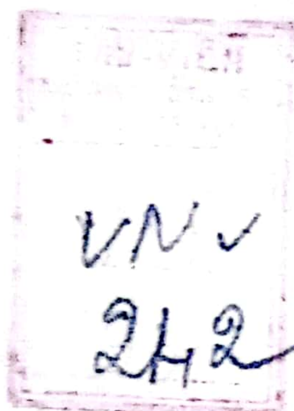




Loại sách chủ-nghĩa Mác — Lê-nin cổ điển

STA - LIN

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NGÔN NGỮ HỌC

TỪ LÂM *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN «SỰ THẬT»
VIỆT-NAM — 1955

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tháng sáu năm 1950, ở Liên-xô, một cuộc tranh luận về ngôn ngữ học đã làm sôi nổi dư luận, không những của giới khoa học và nhân dân Liên-xô mà tất cả các giới khoa học và cách mạng trên thế giới. Nhân dịp ấy, một số những nhà ngôn ngữ học Liên xô đã viết thư trưng cầu ý kiến đồng chí Sta-lin: Những bức thư của Người đăng trên báo Sự thật (Liên-xô), càng làm sôi nổi lên gấp bội luồng dư luận xô viết và quốc-tế Những ý kiến sáng suốt và sâu sắc của đồng chí Sta-lin đã có một tầm quan trọng lịch sử vĩ đại, không những về mặt ngôn ngữ học mà cả về mặt áp dụng chủ nghĩa Mác trong sự nhận xét những hiện tượng xã hội nói chung.

Về mặt ngôn ngữ học, những kiến giải của Sta-lin, dựa trên quan điểm chủ nghĩa Mác Lê-nin, là ngọn đuốc chói lòa soi sáng những ngõ ngách trên bước tiến của khoa ngôn ngữ học xô-viết. Nó đã đặt cho khoa học ấy một cơ sở lý luận vững vàng và đã gây ra một cuộc cách mạng trong qui phạm của nó. Nhờ đó, khoa ngôn ngữ học xô viết ngày nay đang tiến trên ngả đường thênh thang đầy triển vọng và có đầy đủ khả năng « dẫn đầu khoa ngôn ngữ học thế giới ».

Về mặt áp dụng chủ nghĩa Mác—Lê-nin, những kết luận mới của Sta-lin càng quan trọng và có một tác dụng vĩ đại vô cùng. Đó là cả một sự bồi bổ mới làm dồi dào và phong phú thêm chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong cuộc kiến thiết nền văn hóa xô-viết, kiến thiết chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô, trong cuộc đấu

tranh chống mọi tư tưởng phi vô sản. Nhờ đó, những người cộng sản trên thế giới học được rõ hơn trước về sự vận dụng vũ khí duy vật biện chứng, và do đó, được vũ trang mạnh mẽ hơn nữa trong cuộc đấu tranh đang tiến hành trên khắp các mặt trận chống đế quốc xâm lược, chống chiến tranh củng cố hòa bình và kiến thiết một tương lai tươi sáng.

Đối với xứ ta, vấn đề ngôn ngữ học là một vấn đề mới mẻ. Nhưng, nó cũng rất quan trọng trên bước đường tiến triển của cách mạng Việt-nam. Không có một dân tộc nào lại không có ngôn ngữ, không có một cuộc cách mạng nào lại không dính ít nhiều đến vấn đề ngôn ngữ : vận dụng ngôn ngữ, bồi bổ ngôn ngữ, khuyến khích và áp dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số, v. v... Nên, vấn đề ngôn ngữ phải được gắn liền với vấn đề dân tộc. Và, giải quyết vấn đề dân tộc, chúng ta không thể không giải quyết vấn đề ngôn ngữ. Vì thế, trong khi tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và đưa nó đến bước thành công chắc chắn, chúng ta nhất định không thể không chú ý đến vấn đề ngôn ngữ.

Đối với những nhà học giả, nhà khoa học, nhà sử học, kỹ thuật, v. v.. đây là cả một kho tàng mới mẻ, phong phú cho sự nghiên cứu và học tập của họ. Trên lãnh vực của khoa học xã hội cũng như lãnh vực khoa học tự nhiên, tác phẩm này của Sta-lin sẽ giúp chúng ta mở rộng nhãn quan trong mọi ngành công tác nghiên cứu, khảo sát để đặt mỗi vấn đề suy tầm đúng trên vị trí của nó.

NHÀ XUẤT BẢN
SỰ THẬT

BÀN VỀ CHỦ NGHĨA MÁC TRONG NGÔN NGỮ HỌC

MỘT nhóm đồng chí trẻ đến yêu cầu tôi phát biểu trên báo về vấn đề ngôn ngữ học nhất là về chủ nghĩa Mác trong ngôn ngữ học. Đã không phải là nhà ngôn ngữ học thì, lẽ tự nhiên, tôi không thể làm các đồng chí hoàn toàn thỏa mãn. Còn bàn về chủ nghĩa Mác trong ngôn ngữ học, cũng như trong những khoa học xã hội khác, thì đó là việc dĩ nhiên tôi có thể làm được. Vì thế tôi vui lòng đáp một số câu hỏi của các đồng chí đề ra.

. . .

Ngôn ngữ và kiến trúc thượng tầng (1)

HỎI : *Nói ngôn ngữ là một kiến trúc thượng tầng trên cơ sở hạ tầng có đúng không ?*

---

(1) Những tiểu mục này đều do người dịch đề.

ĐÁP : Không, không đúng.

Cơ sở hạ tầng là chế độ kinh tế của xã hội trong một giai đoạn tiến triển nhất định của xã hội. Kiến trúc thượng tầng là những kiến giải (1) của xã hội về chính trị, luật pháp, tôn giáo, nghệ thuật, triết học, với những chế định (2) tương đương về chính trị, luật pháp và các mặt khác.

Mỗi cơ sở hạ tầng đều có thượng tầng kiến trúc riêng tương đương của nó. Hạ tầng (3) của chế độ phong kiến có thượng tầng riêng, có những kiến giải riêng về chính trị, luật pháp và các mặt khác, cùng với những chế định tương đương của nó ; hạ tầng tư bản chủ nghĩa có thượng tầng của nó, hạ tầng xã hội chủ nghĩa cũng thế. Khi hạ tầng thay đổi hay bị thủ tiêu thì thượng tầng cũng thay đổi hay bị thủ tiêu theo ; khi một hạ tầng mới nảy sinh thì thượng tầng tương đương cũng nảy sinh theo.

Về phương diện ấy, ngôn ngữ hoàn toàn khác với thượng tầng. Lấy một thí dụ như xã hội Nga và ngôn-ngữ Nga, chẳng hạn. Trong 30 năm vừa qua, ở Nga, hạ tầng cũ của chủ

(1) Tiếng Pháp là : vues (N. D.)

(2) Tiếng Pháp là : institutions (N. D.)

(3) Hạ tầng : tức là cơ sở hạ tầng gọi tắt, cũng như gọi tắt kiến trúc thượng tầng là thượng tầng. (N.D.)

nghĩa tư bản bị thủ tiêu, một hạ tầng mới — hạ tầng xã hội chủ nghĩa — được lập lên. Do đó thượng tầng của cơ sở tư bản chủ nghĩa bị thủ tiêu, và thượng tầng mới tương đương của cơ sở xã hội chủ nghĩa được dựng lên. Những chế định cũ về chính trị, luật pháp và các mặt khác đều bị thay thế bằng những chế định mới, chế định xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, ngôn ngữ Nga căn bản vẫn là một, y nguyên như trước Cách mạng tháng Mười.

Ngôn ngữ Nga đã có gì thay đổi, từ đó tới nay? Trong một chừng mực nào, từ vị (1) Nga đã thay đổi, nghĩa là nó được bồi bổ bằng một số khá lớn những từ (2) và ngữ (3) mới xuất hiện cùng với nền sản xuất xã hội chủ nghĩa mới, với Nhà nước mới, văn hóa xã hội chủ nghĩa mới xã hội mới, đạo đức mới và, sau hết, với sự phát triển của kỹ thuật và khoa học; ý nghĩa của một số từ và ngữ thay đổi và đã được người ta hiểu một cách mới, một số những từ không hợp thời biến khỏi từ vị. Còn cái vốn cơ bản của từ vị và hệ thống ngữ pháp (4) của ngôn ngữ Nga, tức là nền tảng của ngôn ngữ ấy không

(1) Từ vị (lexique) nói chung là toàn bộ ngữ, từ trong một ngôn ngữ (N.D.).

(2) Từ (mot).

(3) Ngữ (expressions).

(4) Hệ thống ngữ-pháp (système grammatical).

những không bị thủ tiêu và thay thế bằng cái vốn cơ bản của từ vị mới và cơ cấu ngữ pháp mới, sau khi cơ sở tư bản chủ nghĩa đã bị đánh đổ, mà trái lại vẫn cứ được bảo tồn nguyên vẹn, không thay đổi bao nhiêu và vẫn là nền tảng ngôn ngữ Nga ngày nay.

Nói tiếp tới Kiến trúc thượng tầng do cơ sở hạ tầng mà nảy sinh song như thế, không có nghĩa thượng tầng chỉ là phản ánh của hạ tầng, thượng tầng là bị động, là trung lập, vô can (1) đối với số phận của hạ tầng, đối với số phận của các giai cấp, đối với tính chất của chế độ. Trái lại, sau khi xuất hiện rồi, thượng tầng trở thành lực lượng chủ động vô cùng lớn lao giúp đỡ một cách đắc lực cho hạ tầng thành hình và mạnh mẽ lên ; nó dùng đủ mọi cách để giúp chế độ mới phá hủy triệt để và tiêu diệt hạ tầng cũ và những giai cấp cũ.

Không thể nào khác thế được. Thượng tầng mà được hạ tầng dựng lên, chính là để phụng sự nó đắc lực giúp nó thành hình và trở nên kiên cố, đắc lực đấu tranh phá hủy hạ tầng quá thời cũ cùng với thượng tầng cũ của nó. Hễ thượng tầng bỏ vai trò làm công cụ ấy đề, từ vị trí tích cực bảo vệ hạ tầng chuyển sang thái độ vô can đối với hạ tầng, thái độ coi ngang hàng các giai cấp,

(1) Vô can (indifférent).

là nó mất tính cách của nó và không còn là một thượng tầng nữa.

Ngôn ngữ, về phương diện ấy, hoàn toàn khác với thượng tầng. Ngôn ngữ xuất hiện, không phải do hạ tầng này hay hạ tầng khác, do hạ tầng cũ hay hạ tầng mới trong một xã hội nhất định nào, mà do toàn bộ bước đường tiến của lịch sử xã hội và của lịch sử những hạ tầng, trải qua các thế kỷ. Ngôn ngữ không phải do riêng một giai cấp nào tạo ra mà do toàn thể xã hội, do tất cả các giai cấp trong xã hội, do công phu của hàng trăm thế hệ tạo ra. Nó được tạo ra, không phải để cung cấp cho nhu cầu của một giai cấp nào mà cho nhu cầu của toàn xã hội, của tất cả các giai cấp trong xã hội. Chính vì lẽ đó nó đã được tạo ra làm tiếng nói của toàn thể nhân dân, thống nhất cho xã hội, và chung cho tất cả mọi người trong xã hội. Vì thế, vai trò công cụ của ngôn ngữ, đứng làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, không phải chỉ là phục vụ giai cấp này bỏ mặc giai cấp khác, mà là phục vụ đều đủ toàn xã hội, tất cả các giai cấp trong xã hội. Đó chính là cái lẽ tại sao, ngôn ngữ lại có thể phục vụ cả chế độ cũ đang chết lẫn chế độ mới đang lên, cả hạ tầng cũ lẫn hạ tầng mới, cả những người bóc lột lẫn những người bị bóc lột.

Một điều hiển nhiên đối với mọi người là

ngôn ngữ Nga đã phụng sự chủ nghĩa tư bản Nga và văn hóa tư sản Nga trước Cách mạng tháng Mười, cũng y như ngày nay nó đang phụng sự chế độ xã hội chủ nghĩa và văn hóa xã hội chủ nghĩa của xã hội Nga.

Các ngôn ngữ U-kờ-ren, Bạch-Nga, U-dờ-béc, Ka-dắc, Giê-óc-gi, Ác-me-ni E-stô-ni, Let-tô-ni, Môn-đa-vi, Ta-ta A-déc-bai-gian, Ba-sơ-kia, Tục-mê-ni và những ngôn ngữ khác của các dân tộc xô-viết cũng thế, đều đã phụng sự chế độ tư sản trước kia của những dân tộc ấy, cũng y như đang phụng sự chế độ mới. chế độ xã hội chủ nghĩa.

Không thể nào khác thế được. Ngôn ngữ tồn tại, ngôn ngữ được tạo ra, chính là để phụng sự toàn thể xã hội, làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, chung cho tất cả mọi người trong xã hội và thống nhất đối với xã hội, phụng sự đều đủ tất cả mọi người, trong xã hội, không phân biệt họ thuộc về giai cấp nào. Hễ ngôn ngữ rời khỏi cái vị trí làm lợi khí chung ấy cho toàn thể nhân dân, hễ nó đứng ra một vị trí thiên lệch, ủng hộ nhóm xã hội này, bỏ mặc những nhóm xã hội khác, thì như thế cũng đủ cho nó mất tính cách của nó, nó sẽ không còn là một phương tiện giao tiếp giữa mọi người trong xã hội nữa, nó sẽ trở thành một thứ tiếng lóng của một nhóm xã hội nào đó, nó sẽ biến tính đi và đi đến chỗ diệt vong.

Về mặt đó, ngôn ngữ khác hẳn thượng tầng về nguyên tắc, song nó không khác những công cụ sản xuất như máy móc, chẳng hạn, vì chính máy móc, cũng như ngôn ngữ, đều vô can đối với các giai cấp, và có thể phụng sự cả chế độ tư bản chủ nghĩa lẫn chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nói tiếp tới. Thượng tầng là sản phẩm của một thời đại nhất định, trong đó, một hạ tầng kinh tế nhất định nào đó tồn tại và tiến hành. Cho nên, sinh mệnh của thượng tầng không thể trường cửu được; nó sẽ bị phá hủy và tiêu diệt cùng với hạ tầng nói trên, khi hạ tầng bị phá hủy và tiêu diệt.

Ngôn ngữ, trái lại, là sản phẩm của cả một số thời đại liên tiếp, trong đó, nó thành hình được bồi bổ phong phú, phát triển và trở thành tinh tế. Cho nên ngôn ngữ sống tuyệt đối lâu hơn bất cứ một hạ tầng hay thượng tầng nào. Điều đó chứng tỏ rõ ràng, trong lịch sử, sự nảy sinh rồi tiêu tan không những của một hạ tầng với thượng tầng tương đương của nó, mà của nhiều hạ tầng và nhiều thượng tầng tương đương với những hạ tầng ấy cũng thế, vẫn không làm cho một ngôn ngữ nhất định nào đó điêu tàn, không phá được cơ cấu của ngôn ngữ đó và làm nảy sinh một ngôn ngữ mới với một từ vị mới và một hệ thống ngữ pháp mới nào cả.

Hơn 100 năm đã qua, từ khi Pút-sờ-kin từ

trần. Trong khoảng thời gian ấy, trên đất Nga, chế độ phong kiến, chế độ tư bản đã bị thủ tiêu, rồi đã xuất hiện một chế độ thứ ba, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tức là, hai hạ tầng, cùng với những thượng tầng tương đương, đã bị thủ tiêu, và một hạ tầng xã hội chủ nghĩa với thượng tầng mới đã xuất hiện. Thế mà, nếu chúng ta xét ngôn ngữ Nga chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy ngôn ngữ ấy không có gì thay đổi căn bản, trong khoảng thời gian dài ấy, và ngôn ngữ Nga ngày nay, trong cơ cấu của nó, khác rất ít so với ngôn ngữ của Pút-sơ-kin.

Trong thời gian ấy, ngôn ngữ Nga đã thay đổi những gì? Từ vị Nga đã được bồi bổ rất nhiều trong thời gian ấy; một số lớn những từ già cỗi đã bị loại ra ngoài từ vị; ý nghĩa của một số lớn những từ đã thay đổi; cơ cấu ngữ pháp của ngôn ngữ đã được cải tiến. Còn như cơ cấu ngôn ngữ của Pút-sơ-kin với hệ thống ngữ pháp và cái vốn cơ bản của từ vị thì vẫn được bảo tồn trong đại bộ phận làm cơ sở cho ngôn ngữ Nga ngày nay.

Điều đó rất dễ hiểu. Thật thế, tại sao sau mỗi biến thiên xã hội, cơ cấu hiện hữu của một ngôn ngữ, hệ thống ngữ pháp và nền từ vị cơ bản của nó lại cứ phải tiêu hủy đi và thay thế bằng những cái mới y như thượng tầng nhỉ? Những tiếng như *nước, đất, núi, rừng, người, cá, đi, làm, sản xuất, buôn bán, v.v...* mà không được người ta gọi là *nước, đất, núi, v.v..* mà gọi bằng những tiếng nào

khác, như thế phỏng có lợi gì cho ai nhỉ? Những cải biến của các từ trong ngôn ngữ và những kết hợp của các từ trong câu mà không theo đúng ngữ pháp hiện hữu lại theo một ngữ pháp nào khác, như thế phỏng có lợi gì cho ai nhỉ? Một sự thay đổi trong ngôn ngữ như thế có ích gì cho cách mạng chăng? Trong lịch sử thường thường không bao giờ xảy ra một việc gì thiết yếu (1) mà lại không do một nhu cầu nào đặc biệt đề ra. Nên người ta tự hỏi thay đổi như thế, trong ngôn ngữ có gì là cần chăng, nếu quả ngôn ngữ hiện nay với cơ cấu của nó, trong phần lớn vẫn đủ thỏa mãn những nhu cầu của chế độ mới? Có thể và cần phải phá hủy, trong khoảng một vài năm, thượng tầng cũ để thay thế bằng một thượng tầng mới, hầu mở đường rộng rãi cho lực lượng sản xuất xã hội phát triển, nhưng làm sao lại có thể phá hủy ngôn ngữ hiện hữu đi để lập ra, trong khoảng vài năm, một ngôn ngữ mới thay thế vào, mà không gây ra rối loạn trong sinh hoạt của xã hội, không gây ra nguy cơ làm tan rã xã hội? Nếu không phải là Đôn Qui-sốt thì ai lại đi tự đặt cho mình cái nhiệm vụ như thế?

Sau hết, còn có một điểm phân biệt căn bản khác nữa giữa thượng tầng và ngôn ngữ. Thượng tầng không trực tiếp liên hệ với sản xuất, với hoạt

(1) Thiết yếu (essentiel).

động sản xuất. Nó liên hệ với sản xuất, chỉ bằng cách gián tiếp, do kinh tế làm trung gian, do hạ tầng làm môi giới. Cho nên, thượng tầng không phản ánh, tức thì và trực tiếp, những thay đổi quan hệ đến trình độ phát triển của những lực lượng sản xuất, mà chỉ phản ánh sau khi hạ tầng đã có những thay đổi, khi sự phản ánh của những thay đổi trong sản xuất đã gây ra những thay đổi trong hạ tầng. Điều đó chứng tỏ phạm vi tác động của thượng tầng là nhỏ hẹp và có hạn.

Ngôn ngữ, trái lại, có liên hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất, và không những với hoạt động sản xuất mà còn với tất cả mọi hoạt động khác của con người, trên tất cả các lãnh vực công tác, từ sản xuất đến hạ tầng, từ hạ tầng đến thượng tầng. Cho nên, ngôn ngữ phản ánh tức thì và trực tiếp, những thay đổi trong sản xuất, chứ không đợi những thay đổi phải xảy ra trong hạ tầng trước đã. Cho nên phạm vi tác động của ngôn ngữ, bao hàm tất cả những lãnh vực hoạt động của con người, còn rộng lớn và phiền tạp (1) hơn phạm vi tác động của thượng tầng rất nhiều. Hơn nữa, phạm vi ấy hầu như không có giới hạn nào cả.

Điều đó trước hết chứng giải tại sao ngôn ngữ đặc biệt là từ vị của nó, lại ở trong một tình trạng

(1) Phiền tạp (varié)

ẫn như liên miên biến đổi. Sự phát triển liên tiếp của công nghiệp và nông nghiệp, của thương nghiệp và vận tải, của kỹ thuật và khoa học đòi hỏi ngôn ngữ phải bồi bổ từ vị bằng những từ mới và ngữ mới cần thiết cho sự tiến hành của các ngành ấy. Còn ngôn ngữ, vì phản ánh trực tiếp những nhu cầu ấy nên nó tự bồi bổ từ vị bằng những từ mới, nó tự cải tiến hệ thống ngữ pháp.

Như thế :

a/ Người Mác-xit không thể coi ngôn ngữ như một kiến trúc thượng tầng, đặt trên một cơ sở hạ tầng ;

b/ Lẫn lộn ngôn ngữ với thượng tầng là phạm một sai lầm nghiêm trọng.

* * *

Ngôn ngữ không có tính chất giai cấp

HỎI : *Có phải đúng là ngôn ngữ bao giờ cũng có và đương còn có tính chất giai cấp chăng? Có phải đúng là không có ngôn ngữ chung và thống nhất cho toàn xã hội, không có ngôn ngữ không tính chất giai cấp và chung cho toàn thể nhân dân chăng?*

ĐÁP : Không, không đúng.

Một điều rất dễ hiểu là một xã hội không có giai cấp thì không thể có vấn đề ngôn ngữ giai cấp. Chế độ công cộng nguyên thủy, chế

độ thị tộc (1) không biết giai cấp là gì, cho nên không thể có ngôn ngữ giai cấp; ngôn ngữ thời đó, là ngôn ngữ chung, thống nhất cho toàn tập thể. Cái lý cho rằng giai cấp vẫn có trong tất cả các tập thể loài người, kể cả tập thể công cộng nguyên thủy không phải là một lý mà chỉ là cách chơi chữ, không đáng cho người ta bác bẻ.

Về phương diện phát triển của ngôn ngữ, từ những ngôn ngữ thị tộc lên đến những ngôn ngữ bộ lạc (2), từ những ngôn ngữ bộ lạc lên đến những ngôn ngữ bộ tộc (3) và từ những ngôn ngữ bộ tộc lên đến những ngôn ngữ dân tộc (4) khắp các nơi, trong các giai đoạn phát triển, ngôn ngữ đã là phương tiện giao tiếp giữa mọi người trong xã hội, thì cũng là công cộng và thống nhất cho toàn xã hội, phụng sự đều đủ tất cả mọi người trong xã hội, không phân biệt họ ở địa vị xã hội nào.

Tôi không nói ở đây những đế quốc thời nô lệ hay thời trung cổ, chẳng hạn như những đế quốc của Xy-rút (Cyrus) và Ale-xan Đại đế hay những đế quốc của Xê-da (César), của Sác-lơ Đại đế (Charlemagne), những đế quốc không có cơ sở kinh tế riêng và chỉ tiêu biểu cho

(1) Thị tộc (clan).
(2) Bộ lạc (tribu).
(3) Bộ tộc (nationalités).

những liên hợp quân sự và hành chính nhất thời, bấp bênh. Những đế quốc ấy không những không có và cũng không thể có một ngôn ngữ thống nhất cho toàn cõi đế quốc, mà tất cả mọi người trong đế quốc có thể thông hiểu với nhau được. Những đế quốc ấy tiêu biểu cho một khối kết hợp những bộ lạc và bộ tộc, những đời sống riêng biệt và có những ngôn ngữ riêng biệt. Vì thế, tôi không nói đến những đế quốc ấy hay những đế quốc khác tương tự, mà tôi chỉ nói đến những bộ lạc và bộ tộc đã hợp thành những đế quốc có cơ sở kinh tế riêng, ngôn ngữ riêng, đã thành hình lâu đời. Lịch sử chứng nhận rằng ngôn ngữ của những bộ lạc và bộ tộc ấy không phải là ngôn ngữ giai cấp mà là ngôn ngữ toàn dân, chung cho các bộ lạc và bộ tộc, được họ thông hiểu với nhau.

Lẽ tự nhiên, cùng tồn tại với ngôn ngữ đó, có những thổ âm thổ ngữ, nhưng trên những thổ âm, thổ ngữ ấy và thống ngự tất cả, chính là ngôn ngữ chung và thống nhất của bộ lạc hay bộ tộc.

Sau này, với sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản, với sự tiêu diệt của chế độ đất đai manh múng thời phong kiến và với sự thành lập lên một thị trường dân tộc, thì những bộ tộc đã tiến lên thành dân tộc, và những ngôn ngữ bộ tộc tiến thành ngôn ngữ dân tộc. Lịch sử bảo cho ta biết rằng ngôn ngữ dân tộc không phải là ngôn ngữ

giai cấp, mà là ngôn ngữ chung cho toàn dân, chung cho tất cả mọi người, cho mọi phần tử trong dân tộc và thống nhất cho dân tộc.

Như đã nói ở trên, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp giữa mọi người trong xã hội, nên nó phụng sự đều đủ tất cả mọi giai cấp xã hội, và, về mặt đó, nó tỏ ra rõ ràng vô can đối với các giai cấp. Nhưng, những người, những nhóm xã hội riêng và những giai cấp lại không vô can đối với ngôn ngữ. Họ tìm đủ cách để lợi dụng ngôn ngữ cho lợi ích riêng của họ, đưa ép vào ngôn ngữ chung từ vị riêng của họ, những từ và ngữ riêng của họ. Về mặt ấy, người ta thấy thật rõ ràng với những tầng lớp trên của những giai cấp hữu sản, xa cách dân chúng và thù ghét dân chúng, tức là bọn quý tộc quyền môn (1) và các tầng lớp trên của giai cấp tư sản. Những thổ âm và kỳ ngữ (2) « giai cấp » và những « ngôn ngữ » khách thính ra đời. Trong văn học, những thổ âm và kỳ ngữ ấy thường được gán lầm cho cái danh hiệu là « ngôn ngữ », « ngôn ngữ quý tộc » « ngôn ngữ tư sản », để đối lại với « ngôn ngữ vô sản », « ngôn ngữ nông dân ». Căn cứ vào đó, một số đồng chí ta đã đi đến kết luận — một cách khá lạ kỳ — rằng ngôn ngữ dân tộc là hư tưởng (3)

(1) Quý tộc quyền môn (aristocratie nobiliaire).

(2) Kỳ ngữ (jargon).

(3) Hư tưởng (fiction).

và trong thực tế chỉ có ngôn ngữ giai cấp mà thôi.

Tôi tưởng kết luận ấy không còn gì sai hơn. Có thể nào coi những thổ âm và kỳ ngữ ấy là ngôn ngữ được chăng? Không, không thể được. Không thể được, trước hết, vì những thổ âm và kỳ ngữ ấy không có một hệ thống ngữ pháp riêng và không có một từ vị cơ bản — mà phải mượn trong ngôn ngữ của dân tộc. Lẽ thứ hai là vì những thổ âm và kỳ ngữ chỉ có một phạm vi lưu hành hẹp hòi giữa những người trong tầng lớp trên của giai cấp này hay giai cấp nọ, và như thế, hoàn toàn là vô dụng, không thể là một phương tiện giao tiếp cho mọi người, cho toàn thể xã hội được. Vậy thì bọn ấy dùng đấy là cái gì? Đấy là một mớ những từ riêng biệt nào đó của họ, phản ánh những ý thưởng thức đặc biệt của bọn quý tộc hay những tầng lớp trên của giai cấp tư sản; một số những thành ngữ và lời nói kiểu cách phân biệt bằng tế nhị bằng ý thức tình tứ (1) và chọn lọc khỏi những tiếng « quê kệch » trong ngôn ngữ dân tộc; và, sau hết, đấy là một số những ngữ, từ ngoại quốc. Nhưng, về căn bản, tối đại đa số ngữ, từ và hệ thống ngữ pháp đều rút trong ngôn ngữ toàn dân, ngôn ngữ dân tộc. Vì thế, những thổ âm và kỳ ngữ chỉ là những nhánh phụ của ngôn ngữ toàn dân, ngôn ngữ dân tộc, thiếu hẳn tính chất

---

(1) Ý thức tình tứ (galanterie).

độc lập của một ngôn ngữ và chỉ sống một cách vất vưởng. Tin rằng thổ âm và kỳ ngữ có thể phát triển thành những ngôn ngữ độc lập, đủ tính cách đánh bạt ngôn ngữ dân tộc để thay thế ngôn ngữ ấy, tin như thế là thiếu triển vọng lịch sử và bỏ lập trường Mác-xít.

Có người dẫn lời Mác (Marx) trong bài «Thánh Mắc» (Saint Max) nói rằng những người tư sản có « ngôn ngữ riêng của họ », ngôn ngữ ấy « là sản phẩm của giai cấp tư sản ». và ngôn ngữ ấy mang dấu vết của tinh thần con buôn, tinh thần mua bán. Những đồng chí đưa trích dẫn ấy ra, muốn chứng thực rằng Mác đã nhận ngôn ngữ là có « tính chất giai cấp », và phủ nhận sự tồn tại của ngôn ngữ thống nhất của dân tộc. Giá những đồng chí ấy nhìn vào vấn đề một cách khách quan, thì họ đã phải trích dẫn một câu khác, cũng trong bài « Thánh Mắc» trong đó, Mác bàn đến bước đường thành lập của một ngôn ngữ dân tộc thống nhất, đã nói rằng « những thổ âm tập trung thành ngôn ngữ dân tộc thống nhất, do sự tập trung kinh tế và chính trị gây nên.»

Như thế, tức là Mác thừa nhận ngôn ngữ dân tộc *thống nhất* là tất yếu và coi đó là hình thức cao, mà thổ âm, hình thức thấp hơn, phải phụ thuộc theo.

Vậy thì ngôn ngữ của tư sản, ngôn ngữ « sản

phẩm của giai cấp tư sản », như Mác đã nói, có thể tiêu biểu cho cái gì ? Có phải Mác cho đó là một ngôn ngữ dân tộc có cơ cấu ngôn ngữ riêng chăng ? Có thể nào Mác lại coi đó là một ngôn ngữ như thế chăng ? Tất nhiên là không. Mác chỉ muốn nói rằng giai cấp tư sản đã làm nhơ bẩn ngôn ngữ dân tộc thống nhất, với những kỳ ngữ con buôn của họ ; và như vậy, tức là nói giai cấp tư sản chỉ có một thứ kỳ ngữ con buôn của họ mà thôi.

Điều đó chứng tỏ rằng những đồng chí nói trên đã xuyên tạc quan điểm của Mác, và xuyên tạc quan điểm ấy chính là vì họ không chứng dẫn Mác theo lối Mác-xít mà theo lối giáo điều, họ không nắm được thực chất của vấn đề.

Có người chứng dẫn En-ghen (Engels) lấy một câu trong cuốn « *Những điều kiện sinh hoạt của các giai cấp cần lao ở Anh* » trong đó, En-ghen nói rằng : «.. Giai cấp công nhân Anh, với thời gian, đã trở thành những người khác hẳn giai cấp tư sản Anh », « những người công nhân nói một thổ âm khác, có những ý tưởng và quan niệm khác, phong tục và nguyên tắc đạo đức khác, tôn giáo và chính trị cũng khác giai cấp tư sản ». Những đồng chí căn cứ vào lời dẫn ấy, đã đi đến kết luận rằng En-ghen phủ nhận sự cần thiết của một ngôn ngữ dân tộc chung cho toàn dân, và như thế, tức là En-ghen nhận có một ngôn ngữ «giai cấp». Quả thật, En-ghen có nói như thế, song không phải nói về

ngôn ngữ mà nói về thổ âm vì Người thừa biết rằng thổ âm, đã là nhánh phụ của ngôn ngữ dân tộc, thì không thể nào lại thay thế ngôn ngữ dân tộc được. Song, những đồng chí ấy, rõ ràng, nào có thích cho ngôn ngữ và thổ âm khác nhau như thế được...

Lời dẫn ấy dĩ nhiên là không nhằm chỗ vì En-ghen ở đây không nói về «ngôn ngữ giai cấp», mà phần lớn nói về những ý tưởng, quan niệm, phong tục nguyên tắc đạo đức, tôn giáo và chính trị của giai cấp. Nói rằng những ý tưởng, quan niệm, phong tục nguyên tắc đạo đức, tôn giáo và chính trị của tư sản và của vô sản trái ngược hẳn nhau, điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng điều đó có quan hệ gì đến ngôn ngữ dân tộc hay tính chất «giai cấp» của ngôn ngữ ở đây nhỉ? Sự tồn tại của những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội có thể là một lý lẽ để bênh vực thuyết ngôn ngữ «giai cấp» hay bác bỏ sự cần thiết của ngôn ngữ dân tộc thống nhất chăng? Chủ nghĩa Mác dạy rằng sự cộng đồng về ngôn ngữ là một trong những biểu hiệu trọng yếu nhất của một dân tộc, đồng thời hoàn toàn nhận có những mâu thuẫn giai cấp trong dân tộc. Các đồng chí nói trên có thừa nhận thuyết Mác-xít đó chăng?

Có người chứng dẫn La-phạc (Lafargue) trong tập sách *Ngôn ngữ và cách mạng*, nói rằng La-phạc thừa nhận ngôn ngữ « giai cấp » và phủ nhận

sự cần thiết của ngôn ngữ dân tộc chung cho toàn dân. Điều đó không đúng. Quả thật La-phạc có nói về ngôn ngữ của bọn « quý tộc » hay của bọn « quyền môn » và về những « kỳ ngữ » của các tầng lớp xã hội. Song những đồng chí ấy quên rằng La-phạc tuy không chú ý đến sự khác nhau giữa ngôn ngữ và kỳ ngữ, nhưng trong khi gọi thổ ngữ là « giả tạo » (1) là «kỳ ngữ», La-phạc đã nói dứt khoát trong sách ấy rằng « cái tiếng nói giả tạo mà bọn quý tộc dùng để tự phân biệt đó . . . là do ngôn ngữ toàn dân mà ra và chính những người tư sản những thợ thủ công, cả thành thị lẫn thôn quê, cũng đều dùng ngôn ngữ ấy. »

Vậy thì La-phạc đã thừa nhận ngôn ngữ toàn dân là có và cần thiết vì La-phạc thừa hiểu tính chất phụ thuộc và tùy thuộc của « ngôn ngữ quyền quý », của những thổ âm và kỳ ngữ khác đối với ngôn ngữ toàn dân.

Điều đó chứng tỏ việc trích dẫn La-phạc kia là không căn cứ.

Còn có dẫn tích nói rằng ở nước Anh, trong một thời nào đó, bọn phong kiến Anh nói tiếng Pháp « cả hàng thế kỷ » trong khi đó, thì dân chúng Anh nói tiếng Anh, rồi vin vào trường hợp ấy làm cái lý để biện hộ cho thuyết ngôn ngữ « giai cấp » và bác bỏ không cho ngôn ngữ chung của toàn

(1) Giả tạo (artificiel).

dân là cần thiết. Nhưng điều đó chỉ có tính cách một dật sử (1) hơn là một lý lẽ. Lẽ thứ nhất, trong thời kỳ ấy, không phải tất cả bọn phong kiến đều nói tiếng Pháp, mà chỉ một số rất ít, không đáng kể, ấy là bọn phong kiến thượng lưu Anh tiếp cận triều đình. Vả lại, bọn này chỉ nói trong những lãnh khu của họ mà thôi. Lẽ thứ hai, họ không nói một thứ « ngôn ngữ giai cấp » nào khác hơn là thứ ngôn ngữ mà dân chúng Pháp thường nói. Lẽ thứ ba, như chúng ta đã biết, sự quá sinh tiếng Pháp ấy đã tiêu tan đi rồi, đâu có để lại một dấu tích nào trên ngôn ngữ Anh mà dân chúng Anh vẫn thường nói. Có phải những đồng chí ấy tưởng rằng « trải qua hàng thế kỷ » bọn quý tộc Anh và dân chúng Anh đã dùng thông ngôn để nói với nhau chăng? Rằng bọn phong kiến Anh đã không dùng ngôn ngữ Anh chăng? Rằng ngôn ngữ Pháp hồi ấy, ở nước Anh, lại có một địa vị quan trọng nào hơn là một thứ ẩn ngữ khách thính, mà bọn quyền quý tối cao Anh đã nói với nhau trong những chòm nhóm nhỏ hẹp chăng? Như thế sao lại có người dựa được vào những lý lẽ buồn cười ấy để phủ nhận sự tồn tại và cần thiết của ngôn ngữ chung của nhân dân!

---

(1) Dật sử (anecdote).

Bọn quyền quý Nga đã có lần rất sính tiếng Pháp trong triều đình Nga hoàng và các khách thính. Chúng khoe rằng khi nói tiếng Nga, chúng thường ngập ngọng với tiếng Pháp, và chỉ có thể nói tiếng Nga bằng giọng Pháp. Có phải như thế nghĩa là, hồi đó, ở Nga không có một ngôn ngữ toàn dân Nga chăng? và ngôn ngữ toàn dân là một hư tưởng, còn «ngôn ngữ giai cấp» mới là thật sự tồn tại chăng?

Các đồng chí chúng ta đã phạm ở đây, ít ra là hai sai lầm.

Sai lầm thứ nhất: họ đã lẫn lộn ngôn ngữ với thượng tầng. Họ tưởng rằng nếu thượng tầng có tính chất giai cấp thì ngôn ngữ cũng không thể có tính chất toàn dân, mà phải là ngôn ngữ giai cấp. Nhưng, như tôi đã nói, ngôn ngữ và thượng tầng là hai ý niệm khác nhau, nên người Mác-xít không được lẫn lộn điều đó.

Sai lầm thứ hai: những đồng chí ấy nhìn vào những quyền lợi trái ngược nhau của tư bản và vô sản, nhìn vào cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt mà nhận rằng xã hội bị chia xẻ và các dây liên hệ bị cắt đứt hẳn giữa những giai cấp đối địch. Họ cho rằng khi xã hội đã bị phân chia, khi không còn xã hội thống nhất nữa mà chỉ còn các giai cấp không thôi, thì không cần thiết phải có một ngôn ngữ thống nhất cho toàn xã hội nữa, không cần thiết phải có một ngôn ngữ dân tộc nữa.

Vậy thì còn cái gì, nếu xã hội đã bị phân liệt và không còn ngôn ngữ toàn dân nữa. Tất là còn các giai cấp và các «ngôn ngữ giai cấp» Và như thế tức là mỗi « ngôn ngữ giai cấp » sẽ có một ngữ pháp «giai cấp» riêng ngữ pháp «vô sản» và ngữ pháp «tư sản». Thật ra, trong thực tế, không hề có thứ ngữ pháp nào như thế trên thế giới. nhưng đó há phải là điều đáng cho các đồng chí ấy quản ngại, vì họ tin rằng rồi đây những thứ ngữ pháp ấy sẽ xuất hiện, lo gì !

Có một lúc, chúng ta đã có những «nhà Mác-xít» chủ trương rằng những đường xe lửa còn lại trong nước ta, sau Cách mạng tháng Mười, đều là của tư bản cả, vậy chúng ta, những người Mác-xít, không nên dùng nữa, chúng ta phải phá hủy đi để chế tạo đường xe lửa mới, đường xe lửa « vô sản». Với những lý luận ấy họ đã được tặng cái danh hiệu là «bọn người ở lỗ».

Lẽ tự nhiên, những kiến giải vô chính phủ cổ lỗ (1) ấy về xã hội, về giai cấp, về ngôn ngữ, không có gì dính dáng đến chủ nghĩa Mác cả. Thế mà, nó lại cứ tồn tại được và còn tồn tại dai dẳng trong đầu óc lạc hướng của một số các đồng chí ta.

Lẽ tự nhiên, là sai nếu nói vì đấu tranh giai cấp dữ dội mà xã hội đã bị phân liệt hẳn ra thành

(1) Vô chính phủ cổ lỗ (anarchisme primitif)

từng giai cấp không dính dáng gì với nhau về mặt kinh tế, không còn họp thành một xã hội duy nhất. Trái hẳn thế. Khi nào chủ nghĩa tư bản còn thì tư sản và vô sản còn phải có mọi mối liên hệ với nhau trong sinh hoạt kinh tế, như những bộ phận khăng khít của một xã hội duy nhất. Bọn tư sản không thể sống và làm giàu được, nếu không dùng những công nhân làm việc cho mình, và những người vô sản cũng không thể sống còn được, nếu không bán sức mình cho tư bản. Cắt đứt liên hệ kinh tế giữa họ với nhau, tức là làm đình chỉ mọi sự sản xuất, và đình chỉ sản xuất sẽ làm cho xã hội bại hoại và do đó, cũng làm bại hoại luôn những giai cấp. Thật ra, không giai cấp nào lại muốn tự hãm mình vào cảnh diệt vong. Cho nên, đấu tranh giai cấp, tuy sâu sắc đến mức nào, cũng không đưa đến chỗ phân liệt xã hội được. Chỉ có hoàn toàn không biết gì đến chủ nghĩa Mác, chỉ có thiếu hẳn nhận thức đúng đắn về bản chất của ngôn ngữ, mới khiến đầu óc các đồng chí chúng ta đón lấy những câu chuyện hoang đường về phân liệt xã hội, về ngôn ngữ «giai cấp» và ngữ pháp «giai cấp».

Có người lại chứng dẫn Lê-nin, và nói Lê-nin nhìn nhận sự tồn tại của hai văn hóa, dưới chế độ tư bản, văn hóa tư sản và văn hóa vô sản, và cho khẩu hiệu văn hóa dân tộc, dưới chế độ tư

bản, là khẩu hiệu dân tộc chủ nghĩa. (1) Quả thực như thế, và Lê-nin hoàn toàn đúng. Nhưng, điều đó có quan hệ gì đến ngôn ngữ « giai cấp » nhỉ? Dẫn chứng Lê-nin về hai văn hóa, dưới chế độ tư bản, những đồng chí ấy rõ ràng muốn làm cho độc giả tin rằng trong xã hội có hai văn hóa, văn hóa vô sản và văn hóa tư sản, thì cũng phải có hai ngôn ngữ, nhất là ngôn ngữ và văn hóa lại mật thiết liên hệ với nhau — do đó, họ kết luận rằng Lê-nin phủ nhận sự cần thiết của ngôn ngữ dân tộc thống nhất, tức là Lê-nin chủ trương ngôn ngữ « giai cấp » Sự sai lầm của các đồng chí ấy nằm vào chỗ họ nhập làm một và lẫn lộn ngôn ngữ với văn hóa. Thực ra, văn hóa và ngôn ngữ là hai cái khác hẳn nhau, văn hóa có thể có tính chất vô sản hay tư sản. Song, ngôn ngữ, đã là phương tiện giao tiếp, thì bao giờ cũng là ngôn ngữ của toàn dân và có thể phụng sự cả văn hóa tư sản lẫn văn hóa vô sản. Há không phải rõ ràng ngôn ngữ Nga U-kờ-ren, U-dờ-béc hiện nay cũng đang phụng sự văn hóa xã hội chủ nghĩa của những dân tộc ấy, có kém gì đã phụng sự văn hóa tư sản ngày trước, khi Cách mạng tháng Mười chưa nổ ra! Điều đó chứng tỏ những đồng chí ấy sai vô cùng, khi nhận rằng sự tồn tại của hai văn hóa khác nhau đã làm xuất hiện hai ngôn ngữ

(1) Dân tộc chủ nghĩa (nationaliste).

khác nhau và đã cho phép ta phủ nhận sự cần thiết của ngôn ngữ thống nhất.

Khi nói về hai văn hóa, chính Lê-nin đã đi từ điểm xuất phát này : sự tồn tại của hai văn hóa không thể có nghĩa là phủ nhận ngôn ngữ thống nhất và tạo ra hai ngôn ngữ riêng, trái lại, ngôn ngữ phải được thống nhất. Khi phái Bun (Bund) buộc cho Lê-nin phủ nhận sự cần thiết của ngôn ngữ dân tộc và coi văn hóa là «phi dân tộc»,Lê-nin — như chúng ta đã biết — đã kịch liệt phản đối lại và tuyên bố chống văn hóa tư sản, chứ không chống ngôn ngữ dân tộc, và cho sự cần thiết phải có ngôn ngữ dân tộc là một sự thật không thể chối cãi được Khá lạ kỳ là một số trong những đồng chí chúng ta lại đi giẫm vào vết chân của phái Bun ngày trước.

Còn về ngôn ngữ thống nhất, mà người ta nghi cho Lê-nin đã phủ nhận không cho là cần thiết phải có, tưởng cần nhắc lại cho mọi người chú ý câu này của Lê-nin :

« Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp tối quan trọng giữa người và người, sự thống nhất của ngôn ngữ và sự phát triển bất đoạn của ngôn ngữ là một trong những điều kiện tối quan trọng cho việc trao đổi thương mại được thật sự tự do và rộng rãi, thích hợp với chế độ tư bản đương thời, cũng như cho sự tập hợp,tự do và rộng rãi,dân cư thành những giai cấp khác nhau ».

Như thế, rõ ràng các đồng chí đáng phục ấy đã làm sai-lạc ý kiến của Lê-nin.

Sau hết, còn có trích dẫn Sta-lin nữa. Họ viện câu của Sta-lin nói rằng «giai cấp tư sản và những đảng dân tộc chủ nghĩa (1) của họ đã và vẫn là lực lượng chính lãnh đạo những dân tộc đó trong giai đoạn này». Điều đó đúng, giai cấp tư sản và đảng dân tộc chủ nghĩa của tư sản quả thật đang lãnh đạo văn hóa tư sản, cũng y như giai cấp vô sản và đảng quốc tế chủ nghĩa của vô sản đang lãnh đạo văn hóa vô sản. Song điều đó có quan hệ gì đến ngôn ngữ «giai cấp» nhỉ? Những đồng chí ấy có biết rằng ngôn ngữ dân tộc là một hình thức của văn hóa dân tộc chăng? rằng ngôn ngữ dân tộc có thể phụng sự cả văn hóa tư sản lẫn văn hóa xã hội chủ nghĩa chăng? Các đồng chí ta há đã quên thuyết Mác-xít trứ danh mà ai cũng biết, dạy rằng những văn hóa hiện nay của Nga, U-kờ-ren, Bạch-Nga và nhiều văn hóa khác đều có tính chất xã hội chủ nghĩa trong nội dung và dân tộc về hình thức tức là về mặt ngôn ngữ? Những đồng chí ấy có tán thành thuyết Mác-xít đó chăng?

Sai lầm các đồng chí ta đã phạm, nằm vào chỗ họ không nhìn thấy văn hóa và ngôn ngữ khác nhau thế nào, và không hiểu rằng văn

---

(1) Đảng dân tộc chủ nghĩa (partis nationalistes) thường gọi sai là «đảng quốc gia». N.D.

hóa biến đổi nội dung, với mỗi giai đoạn phát triển mới của xã hội, còn ngôn ngữ căn bản vẫn cứ là một, trải qua nhiều giai đoạn và phụng sự đều đủ cả văn hóa mới lẫn văn hóa cũ.

Cho nên:

a) Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp thì bao giờ cũng vẫn và cứ là thống nhất cho xã hội và là ngôn ngữ chung cho mọi người trong xã hội;

b) Sự tồn tại của thổ âm và kỳ ngữ không phủ nhận mà, trái lại, còn xác nhận sự tồn tại của ngôn ngữ toàn dân; thổ âm, kỳ ngữ chỉ là nhánh phụ của ngôn ngữ toàn dân và phụ thuộc ngôn ngữ toàn dân;

c) Thuyết ngôn ngữ « giai cấp » là thuyết sai lầm, phi mác-xít.

. . .

Đặc tính của ngôn ngữ

HỎI: *Những đặc tính của ngôn ngữ là gì?*

ĐÁP: Ngôn ngữ là một trong những hiện tượng xã hội, nó tác động trong suốt thời kỳ tồn tại của xã hội. Ngôn ngữ phát sinh từ khi xã hội xuất hiện, cùng với xã hội cùng phát triển. Ngôn ngữ tiêu diệt khi xã hội tiêu diệt. Ngoài xã hội không có ngôn ngữ. Cho nên người ta chỉ có thể hiểu một ngôn ngữ và luật phát triển của nó, khi nào nghiên cứu nó cùng

với lịch sử của xã hội, lịch sử của nhân dân có ngôn ngữ ấy, sáng lập ra và bảo tồn, sử dụng ngôn ngữ ấy.

— Ngôn ngữ là một phương tiện, một lợi khí, nhờ đó người ta giao tiếp với nhau, trao đổi ý kiến để đi đến hiểu biết lẫn nhau. Vì trực tiếp gắn liền với ý tưởng nên ngôn ngữ ghi được những kết quả của tác động trong trí não, những thành tựu của trí thức, đặt thành từ và kết hợp từ thành câu ; do đó, khiến sự trao đổi ý kiến trong xã hội có thể thực hiện được.

Trao đổi ý kiến là một sự cần thiết sinh động và thường xuyên. Không có sự trao đổi ấy, không thể có hành động chung trong cuộc đấu tranh chống sức mạnh của tự nhiên, đấu tranh để sản xuất những của cải vật chất thiết yếu; không thể có những tiến bộ trong hoạt động sản xuất của xã hội, tức là ngay cả sự sản xuất của xã hội cũng không thể có. Cho nên, nếu không có một ngôn ngữ toàn xã hội thông hiểu được và chung cho tất cả mọi phần tử trong xã hội, thì xã hội sẽ không sản xuất được nữa, sẽ phân liệt và không tồn tại thành xã hội được. Trong ý nghĩa ấy, ngôn ngữ là một lợi khí giao tiếp, thì cũng là một công cụ đấu tranh và phát triển của xã hội.

Như chúng ta đã biết, tất cả những từ trong ngôn ngữ hợp lại thành từ vị của ngôn ngữ. Phần

chính của từ vị trong một ngôn ngữ là nền ngữ từ cơ bản bao gồm tất cả những từ gốc. Cái nền ngữ từ cơ bản ấy, so với từ vị thì hẹp hơn nhiều, song nó sống rất lâu, cả hàng thế kỷ, và cấp cho ngôn ngữ một căn bản để cấu tạo ngữ từ mới. Từ vị phản ánh trình độ của ngôn ngữ; từ vị càng phong phú và phức tạp bao nhiêu thì ngôn ngữ càng dồi dào và tiến triển bấy nhiêu.

Tuy nhiên, từ vị tách riêng ra, chưa phải là ngôn ngữ — mà chỉ là vật liệu để cấu tạo ngôn ngữ. Nếu riêng vật liệu không thể coi là nhà cửa được, tuy không có vật liệu, không thể có nhà cửa, thì từ vị trong một ngôn ngữ cũng thế, từ vị không phải là ngôn ngữ, tuy không có từ vị thì ngôn ngữ sẽ không thể nào thành. Nhưng từ vị của một ngôn ngữ có một tác dụng rất lớn, khi nó được ngữ pháp chi phối; ngữ pháp đặt ra quy tắc biến hóa từ, kết hợp từ thành câu, và do đó, làm cho ngôn ngữ có tính chất điều lý và dễ hiểu (1). Ngữ pháp (phép biến hóa từ hình và phép đặt câu) (2) là tổng hợp những quy tắc quyết định sự biến hóa của từ và sự kết hợp từ thành câu. Cho nên, chính phải nhờ vào ngữ pháp, ngôn ngữ mới có khả năng làm

---

(1) (Harmonieux et réfléchi).
(2) (Morphologie et syntaxe).

cho ý tưởng có được hình thức vật chất và ngữ tính (1).

Đặc tính của ngữ pháp là đặt ra phép biến hóa cho từ, không nhằm những từ cụ thể nhất định nào, mà chỉ nhằm những từ nói chung, không chút cụ thể tính nào cả ;—là định ra phép đặt câu, nhưng không nhằm những câu cụ thể nào nhất định, chẳng hạn như một chủ từ cụ thể, một động từ cụ thể, v.v... mà chỉ nhằm những câu, nói chung, đủ các loại, bất kể hình thức cụ thể của câu này hay cậu nọ. Vì thế, ngữ pháp loại trừ các cái gì là đặc biệt và cụ thể, cả trong các từ lẫn câu, và lấy các điểm chung làm cơ sở cho phép biến hóa từ và phép kết hợp từ thành câu, do đó, đặt ra quy tắc ngữ pháp, luật lệ ngữ pháp. Ngữ pháp là kết quả công tác trừu tượng hóa (2) lâu ngày của tư duy nhân loại, là biểu thị những tiến bộ lớn lao của tư duy.

Về phương diện này, ngữ pháp làm cho ta nhớ đến một đặc tính của hình học (3) là đặt ra luật lệ bằng cách trừu tượng hóa những vật cụ thể, coi những vật ấy như những vật không có tính chất cụ thể, và định mối liên hệ giữa những vật ấy, không coi như những liên hệ cụ thể của những vật

(1) Ngữ tính (linguistique).

(2) Abstraction.

(3) Géométrie.

cụ thể nào nhất định, mà như những liên hệ giữa những vật nói chung, không có chút cụ thể tính nào cả.

Thượng tầng quan hệ với sản xuất, không bằng cách trực tiếp mà do kinh tế làm trung gian, còn ngôn ngữ thì trái hẳn lại, quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất, cũng như với tất cả các hoạt động khác của người ta, trên mỗi lãnh vực công tác, không trừ một lãnh vực nào. Cho nên từ vị của một ngôn ngữ là bộ phận dễ chuyển biến nhất, nó ở trong tình trạng gần như liên miên biến đổi. Ngôn ngữ còn khác với thượng tầng ở chỗ nó không đợi hạ tầng bị thủ tiêu, nó sửa đổi từ vị ngay từ khi hạ tầng chưa bị thủ tiêu, và không kể gì đến tình trạng của hạ tầng.

Tuy nhiên, từ vị của một ngôn ngữ thay đổi không đúng như cách thượng tầng thay đổi, nó không thay đổi bằng cách thủ tiêu cái cũ để xây dựng lên cái mới mà bằng cách tự bồi thêm những từ mới cùng xuất hiện với những biến đổi trong chế độ xã hội, với sự phát triển của sản xuất, với sự tiến bộ của văn hóa, khoa học v. v... Một mặt khác, một số từ cũ kỹ nào đó bị loại ra khỏi từ vị, song một số từ mới nhiều hơn gấp bội đã được bồi bổ thêm vào. Còn cái nền của từ vị cơ bản, thì trong bộ phận lớn, vẫn được bảo toàn làm cơ sở cho từ vị của ngôn ngữ.

Điều đó rất dễ hiểu. Không cần thiết phải phá

hủy nền cơ bản của từ vị, nếu nó còn có thể dùng được đắc lực trong bao nhiêu thời kỳ lịch sử, ấy là chưa nói nếu phá hủy nền từ vị cơ bản, do bao nhiêu đời mới bồi đắp nên, trong khi chưa thể tạo ngay ra một từ vị cơ bản mới trong một thời gian ngắn, như thế sẽ làm tê liệt ngôn ngữ và làm rối loạn mối quan hệ giữa mọi người.

Cơ cấu ngữ pháp của một ngôn ngữ biến đổi còn chậm chạp hơn nền cơ bản của từ vị nữa. Được gây dựng lên trong bao nhiêu thế kỷ và đã hợp làm một với ngôn ngữ, cơ cấu ngữ pháp biến đổi còn chậm hơn từ vị cơ bản nữa. Lẽ tự nhiên, cơ cấu ngữ pháp, trải qua thời gian, phải chịu nhiều biến đổi, nó tự cải tiến thêm, tự tu bổ cho những quy luật được xác định hơn, tự súc tích thêm bằng nhiều quy luật mới, song cơ sở của hệ thống ngữ pháp vẫn được bảo tồn trong một thời khoảng rất lâu. Vì, như lịch sử đã chứng tỏ, cơ sở ấy có thể dùng cho xã hội một cách có hiệu quả hàng bao nhiêu thời đại.

Cho nên, cơ cấu ngữ pháp của một ngôn ngữ và từ vị cơ bản của một ngôn ngữ là cơ sở của ngôn ngữ, là bản chất của những đặc điểm riêng biệt của nó.

Lịch sử chứng rằng ngôn ngữ có sức kiên định rất lớn và sức chống chọi rất mãnh liệt đối với mọi sự cưỡng hóa (1). Nhiều nhà sử học, đáng

(1) Cưỡng hóa (assimilation forcée), tức là cưỡng bách đồng hóa. N.D.

lẽ phải minh giải hiện tượng ấy, lại chỉ tỏ vẻ ngạc nhiên thôi. Song, nào có gì đâu đáng ngạc nhiên. Sức kiên định của ngôn ngữ là do sức kiên định của cơ cấu ngữ pháp, của từ vị cơ bản của ngôn ngữ mà ra. Cả hàng trăm năm trước kia, bọn chinh hóa (1) Thổ-nhĩ-kỳ cố sức hủy hoại, tiêu diệt và làm mất tích những ngôn ngữ của các dân Ban-kan (Balkan). Trong thời gian ấy, từ vị của những ngôn ngữ Ban-kan thay đổi rất nhiều, một số những từ và ngữ Thổ được thu nhận, có « hỗn hợp », có « phân ly » (2), song những ngôn ngữ Ban-kan vẫn bền vững và cứ sống. Tại sao? Vì cơ cấu ngữ pháp và nền từ vị cơ bản của những ngôn ngữ ấy, trong bộ phận chính, vẫn được bảo tồn.

Do đó, ta thấy một ngôn ngữ và cơ cấu của nó không thể được coi như sản phẩm của một thời đại đơn độc nào. Cơ cấu của một ngôn ngữ với hệ thống ngữ pháp của nó và từ vị cơ bản là sản phẩm của nhiều thời đại.

Có thể nói rằng những yếu tố của ngôn ngữ hiện đại đã có từ thời cổ đại, trước thời nô lệ. Ngôn ngữ, hồi đó không phiền phức, chỉ có một từ vị rất nghèo nàn, và một cơ cấu ngữ pháp riêng

---

(1) Chinh hóa (assimilateurs) là bọn đi chinh phục và đồng hóa các dân tộc khác. N.D.

(2) Hỗn hợp (convergences), phân ly (divergences)

biệt của nó, cồ lỗ thật, song cũng vẫn là một cơ cấu ngữ pháp.

— Sản xuất phát triển tiến cao hơn lên, các giai cấp xuất hiện, văn tự ra đời, Quốc gia nảy sinh với bộ máy hành chính cần có giao dịch thư từ có quy thức ít nhiều, nền thương nghiệp trưởng thành càng cần sự giao dịch thư từ có quy thức nhiều hơn nữa, báo chí ấn loát được đề ra, văn học tiếnlên tất cả những điều đó đã đưa lại những biến đổi lớn lao trên bước đường phát triển của ngôn ngữ. Trong thời kỳ ấy, những bộ lạc và bộ tộc tự phân chia thành từng bộ phận nhỏ, ly tán rồi lại kết hợp, phối hợp, sau đó, với thời gian, những ngôn ngữ dân tộc và những Quốc gia ra đời, các cuộc đảo lộn cách mạng xảy ra, những hệ thống xã hội cũ được thay thế bằng những hệ thống mới. Tất cả những điều đó càng đưa lại những thay đổi lớn lao hơn trong ngôn ngữ và làm cho ngôn ngữ phát triển.

Tuy vậy, nếu nghĩ rằng sự phát triển của ngôn ngữ cũng giống như sự phát triển của thượng tầng bằng cách phá hủy cái hiện có đề tạo lập cái mới, thì là lầm to. Thật ra sự phát triển của ngôn ngữ không theo con đường phá hủy ngôn ngữ hiện có để tạo ra những ngôn ngữ mới mà theo con đường phát triển và cải biến những yếu tố cơ sở trong ngôn ngữ hiện có Và sự chuyển biến, từ tính chất này của ngôn ngữ qua

tính chất khác không diễn ra bằng cách bùng nổ, đột nhiên phá hủy cái cũ để tạo lập cái mới, mà bằng cách tuần tự, lâu dài tích góp những yếu tố có tính chất mới, để tạo lập nên một cơ cấu mới cho ngôn ngữ bằng cách tiêu ma lần hồi những yếu tố có tính chất cũ. //

Có người nói thuyết ngôn ngữ phát triển theo từng giai đoạn là một thuyết Mác-xít, vì thuyết ấy nhận định cần phải có những đột biến làm điều kiện cho ngôn ngữ biến chuyển từ tính chất cũ qua tính chất mới. Nói thế thật là sai, vì khó mà thấy cái gì là Mác-xít trong thuyết ấy. Còn nếu quả thuyết giai đoạn nhìn nhận sự đột biến trong lịch sử phát triển của ngôn ngữ, thì thật đáng đời cho thuyết ấy! Chủ nghĩa Mác không thừa nhận sự đột biến trong quá trình phát triển của ngôn ngữ, sự đột nhiên tiêu vong của một ngôn ngữ hiện có, sự đột nhiên xuất hiện của một ngôn ngữ mới. La-phạc đã lầm khi nói rằng một « cuộc cách mạng mạng đột phát đã nổ ra trong ngôn ngữ, từ 1789 đến 1794»(xem cuốn *Ngôn ngữ và cách mạng* của La-phạc). Không có cuộc cách mạng nào xảy ra trong ngôn ngữ ở Pháp thời ấy cả, và càng chắc chắn không có cuộc cách mạng đột phát nào cả. Sự thật, trong thời kỳ ấy, từ vị trong ngôn ngữ Pháp được bồi bổ thêm bằng nhiều từ và ngữ, một số nào những từ cũ kỹ bị loại ra, ý nghĩa của một số từ thay đổi đi, — chỉ có thế thôi Song những

thay đổi như thế không quyết định gì được số phận của ngôn ngữ. Bộ phận chính yếu của ngôn ngữ là cơ cấu ngữ pháp và từ vị cơ bản. Song, cơ cấu ngữ pháp và từ vị cơ bản của tiếng Pháp không những không biến đi, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp, mà còn được bảo tồn không bị một suy suyển nào quan trọng, — và không những được bảo tồn, nó lại còn tiếp tục tồn tại đến ngày nay trong tiếng Pháp hiện đại.

Ấy là chưa nói nếu bỏ một ngôn ngữ hiện có đi để tạo ra một ngôn ngữ dân tộc mới (bằng một cuộc « cách mạng đột phát trong ngôn ngữ » !) thì một thời gian năm, sáu năm có thấm vào đâu, — phải hàng thế kỷ.

Chủ nghĩa Mác dạy rằng sự chuyển biến của một ngôn ngữ, từ tính chất cũ qua tính chất mới, xảy ra không phải bằng cách đột biến, bằng cách phá hủy ngôn ngữ hiện có để tạo nên một ngôn ngữ mới, mà bằng cách tuần tự súc tích những yếu tố có tính chất mới, tức nhiên, với sự tiêu vong lần hồi của những yếu tố có tính chất cũ.

Nói chung, cần để các đồng chí quá say mê đột biến ấy nhớ lấy rằng : luật biến chuyển, từ tính chất cũ qua tính chất mới, bằng đột biến, không áp dụng được vào lịch sử phát triển của ngôn ngữ, nó cũng không phải luôn luôn áp dụng được vào những hiện tượng xã hội khác quan hệ đến hạ

tầng hay thượng tầng. Luật ấy nhất thiết đúng cho xã hội còn bị phân ra giai cấp đối lập, song không nhất thiết đúng cho xã hội không còn giai cấp đối lập. Trong vòng 8 hay 10 năm, chúng ta đã thực hiện trong nông nghiệp xứ ta một cuộc biến chuyển từ chế độ nông nghiệp tư sản cá thể qua chế độ nông trường tập thể xã hội chủ nghĩa. Đó là một cuộc cách mạng, nó đã thủ tiêu chế độ kinh tế tư sản cũ ở thôn quê để tạo lập nên chế độ mới : chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sự biến thiên ấy không tiến hành qua con đường đột biến, nghĩa là không do sự đánh đổ quyền lực hiện có để tạo nên quyền lực mới, mà bằng cách tuần tự biến chuyển, từ chế độ tư sản ở nông thôn qua chế độ mới. Và sở dĩ có thể làm được như thế là vì đó là cuộc cách mạng, từ trên ban xuống, một biến thiên do chính quyền hiện hữu đã gây ra, với sự ủng hộ của tối đại đa số nông dân.

Có người nói rằng trong lịch sử, có nhiều trường hợp phối hợp giữa những ngôn ngữ cho phép ta ức đoán rằng, trong sự phối hợp ấy, một ngôn ngữ mới được tạo ra bằng cách đột biến, bằng sự đột nhiên biến chuyển, từ tính chất cũ qua tính chất mới. Đó là một điều sai lầm nhất định.

Sự phối hợp giữa những ngôn ngữ không thể coi là một hành vi đơn nhất, một việc dứt khoát đưa lại kết quả trong khoảng vài ba năm. Sự phối

hợp giữa những ngôn ngữ là một quá trình trường kỳ, kéo dài hàng thế kỷ. Như thế, không thể nói có đột biến nào ở đây được.

Nói tiếp tới. Nếu ai nghĩ rằng, do sự phối hợp của nhiều ngôn ngữ, hai ngôn ngữ chẳng hạn, mà một ngôn ngữ mới, ngôn ngữ thứ ba, sẽ xuất hiện, khác hẳn những ngôn ngữ phối hợp, khác về tính chất đối với cả hai ngôn ngữ cũ, – nghĩ như thế là hoàn toàn sai. Sự thật, trong sự phối hợp, thường thường một trong hai ngôn ngữ sẽ đắc thắng, giữ vững hệ thống ngữ pháp của nó và giữ vững từ vị cơ bản riêng của nó và cứ tiến triển, đúng theo quy luật phát triển nội tại của ngôn ngữ ấy. Trong khi đó ngôn ngữ kia dần dần mất hết tính chất của nó và tuần tự biến đi.

Cho nên, sự phối hợp không tạo ra một ngôn ngữ mới, ngôn ngữ thứ ba nào cả, mà lại bảo tồn một trong những ngôn ngữ phối hợp, bảo tồn cơ cấu ngữ pháp và từ vị cơ bản của ngôn ngữ ấy để cho nó có thể phát triển theo đúng quy luật phát triển nội tại của nó.

Trong quá trình ấy, chắc chắn rằng từ vị của ngôn ngữ đắc thắng được bồi bổ bằng từ vị của ngôn ngữ bị bại, song điều đó không những không làm suy yếu ngôn ngữ đắc thắng mà, trái lại, còn làm cho nó mạnh hơn lên.

Tức như tiếng Nga, chẳng hạn, nó đã phối

hợp với ngôn ngữ của nhiều dân tộc khác, trong quá trình phát triển lịch sử, và nó luôn luôn chiếm phần ưu thắng.

Thật thế, từ vị của ngôn ngữ Nga được bồi bổ trong quá trình phối hợp, bằng từ vị của những ngôn ngữ khác, song ngôn ngữ Nga không vì thế mà suy yếu đi, trái lại, nó đã giàu mạnh hơn lên.

Còn về đặc tính dân tộc, ngôn ngữ Nga cũng không bị thiệt hại chút nào cả. Vì bảo tồn được cơ cấu ngữ pháp và nền cơ bản của từ vị, nên ngôn ngữ Nga vẫn cứ tiếp tục tiến tới và tự cải tiến đúng theo quy luật phát triển nội tại của nó.

Vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, thuyết phối hợp ngôn ngữ rõ ràng không thể đem lại cho ngôn ngữ học Liên-xô cái gì hay ho cả. Nếu thật sự, nhiệm vụ chính của ngôn ngữ học là nghiên cứu quy luật phát triển nội tại của ngôn ngữ thì phải nhận rằng thuyết phối hợp không giải quyết nhiệm vụ ấy ; thậm chí nó cũng không đặt nhiệm vụ ấy ra nữa, và, nói cho ngay, nó không nhận thấy hay không hiểu nhiệm vụ ấy.

∴

Có tự do phê bình, khoa học mới phát triển

HỎI : *Báo « Sự Thật » đề ra thảo luận công khai các vấn đề ngôn ngữ học, như thế có đúng không ?*

ĐÁP : Đúng.

Cái hướng giải quyết những vấn đề ngôn ngữ học ấy như thế nào sẽ được chứng tỏ rõ, sau khi cuộc thảo luận kết thúc. Song, ngay từ bây giờ, cũng có thể nói rằng cuộc thảo luận đã đạt được rất nhiều kết quả.

Trước hết, cuộc thảo luận đã vạch cho ta thấy, ở trung ương cũng như trong các Cộng hòa, đã có một chế độ làm việc trái hẳn. tinh thần khoa học, không hợp với khoa học và tư cách các nhà khoa học. Bất cứ một sự phê bình nào về tình trạng ngôn ngữ học xô-viết,— dù là một cử chỉ phê phán dè dặt đến đâu chăng nữa,— đối với cái « giáo thuyết mới » ấy trong ngôn ngữ học, cũng đều bị giới lãnh đạo ngôn ngữ học đàn áp và dập tắt. Chỉ vì tỏ thái độ phê bình đối với di sản của N. Marr, không tán thành đôi chút về giáo thuyết của N. Marr, mà nhiều cộng tác viên, nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ học có tài đã bị gạt ra khỏi chức vụ hay giáng chức. Trong giới ngôn ngữ học, người ta chỉ căn cứ vào sự phục tùng hoàn toàn đối với giáo thuyết của N. Marr, mà đề bạt, ủy nhiệm những chức vụ cao trọng, chứ không đếm xỉa gì đến khả năng chuyên nghiệp.

Ai cũng phải nhận rằng không khoa học nào có thể phát triển và phồn thịnh được, nếu không có xung đột ý kiến, không có tự do phê bình.

Song, cái quy luật thông thường ai cũng phải thừa nhận ấy, đã bị coi thường và chà đạp lên một cách không e dè gì cả. Một nhóm cỏn con những lãnh tụ tự cho mình là không thể sai lầm được đã xuất hiện, sau khi tự mình tạo ra một không khí không cho ai dám hé răng phê bình chỉ trích gì cả, đã ra mặt chuyên quyền, độc đoán.

Hãy lấy một thí dụ : Tập « Ba-ku giảng khóa » (gồm những bài giảng của N.Marr ở Ba - ku) mà chính tác giả cũng đã tự nhận là có nhiều khuyết điểm và cấm tái bản, thế mà bọn học phiệt lãnh tụ (mà đồng chí Met-tra-ni nốp (Mechtchaninov) gọi là « môn đồ » của N.Marr) lại đem ra in lại và đã ngang nhiên liệt vào hàng các sách giáo khoa chính thức để giới thiệu cho các sinh viên học. Như thế, tức là các sinh viên đã bị lừa dối, họ đã phải học một « pho giảng khóa » sai lầm, cũng y như học một sách giáo khoa hoàn bị nào khác. Nếu tôi không tin vào lòng thành thực của đồng chí Mét-tra-ni-nốp và những đồng chí khác trong giới ngôn ngữ học, tôi đã nói những hành động như thế có khác nào những hành động phá hoại.

Tại sao, một việc như thế lại xảy ra được ? Nó xảy ra, vì chế độ A-rắc-trê-ép (Aratchéev) (1) trong giới ngôn ngữ học đã gây ra tinh thần vô

(1) tức là chế độ độc đoán.

trách nhiệm và khuyến khích những sự lố lăng như thế.

Nên, cuộc thảo luận đã tỏ ra rất bổ ích, trước hết, vì nó đã phơi chế độ A-rắc-trê-ép ra ngoài ánh sáng và đập tan chế độ ấy.

Nhưng, lợi ích của cuộc thảo luận không phải chỉ có bấy nhiêu. Cuộc thảo luận, ngoài tác dụng đập tan cái chế độ cũ trong ngôn ngữ học, còn làm cho ta thấy rõ cái quan niệm hồ đồ không thể tưởng tượng được, của các giới lãnh đạo ngành khoa học ấy đối với những vấn đề tối quan trọng trong ngôn ngữ học. Trước khi cuộc thảo luận nhóm lên, họ im hơi nín tiếng và cố che đậy tình trạng nguy hại trong ngôn ngữ học. Đến khi cuộc thảo luận nổ ra, không thể làm thinh được nữa, họ đành phải phát biểu ý kiến trên báo chí. Rồi, kết quả là thế nào ? Người ta thấy rõ những giáo thuyết của N. Marr chứa cả một lô sai lầm, khuyết điểm, vấn đề mập mờ và luận cứ chưa phát triển đến nơi đến chốn. Người ta tự hỏi tại sao bọn « môn đồ » của N. Marr chỉ mở miệng, sau khi cuộc thảo luận đã nổ ra ? Tại sao trước kia họ không quan tâm đến ? Tại sao trước ngày ấy họ lại không nói ra, công khai và thẳng thắn, đúng như thái dộ các nhà khoa học chân chính phải có ?

Người ta thấy rằng, sau khi nhìn nhận một

số nào những khuyết điểm của N. Marr, những « môn đồ » của y tỏ ý tin rằng ngôn ngữ học xô-viết chỉ có thể phát triển được với điều kiện là nó phải được đặt trên nền học thuyết của N. Marr, sau khi học thuyết ấy « đã được xác định lại », học thuyết mà họ coi là đúng với chủ nghĩa Mác. Thôi đi! xin hãy tha cho chúng tôi khỏi cái « chủ nghĩa Mác » ấy của N. Marr! Quả thật, N. Marr cũng muốn cố sức để trở thành một nhà Mác-xít, song y không thể đạt được. N. Marr cũng như bọn *Proletkult* hay *Rappovtsi*, dù muốn gì đi nữa, cũng chỉ đi đến kết quả là giản đơn hóa (1) và làm nhàm chủ nghĩa Mác.

N. Marr đã đưa vào ngôn ngữ học một công thứ sai lầm, phi Mác-xít, coi ngôn ngữ là một thượng tầng và như thế, N. Marr đã tự làm hỗn loạn tư tưởng mình và làm hỗn loạn ngôn ngữ học. Ngôn ngữ học Liên-xô không thể phát triển được, nếu họ dựa trên một công thức sai lầm.

N. Marr đã đưa vào ngôn ngữ học một công thức sai lầm và phi Mác-xít khác là ngôn ngữ « giai cấp », do đó, đã tự làm hỗn loạn tư tưởng mình và làm hỗn loạn ngôn ngữ học. Ngôn ngữ học xô-viết không thể phát triển được, nếu nó dựa trên một công thứ sai lầm, phản trái với toàn bộ sự tiến triển lịch sử của nhân loại và của ngôn ngữ.

---

(1) Giản đơn hóa (simplifier).

N. Marr đã đưa vào ngôn ngữ học một giọng thiếu khiêm tốn, khoác lác, kiêu kỳ không có gì là Mác-xít, khiến N. Marr đi đến chỗ phủ nhận, hoàn toàn và nhẹ dạ, tất cả những công trình có trước N. Marr về ngôn ngữ học.

N. Marr đã lớn tiếng chê phương pháp sử học tỷ giảo (1) là « duy tâm ». Thế mà, có thể nói rằng, mặc dầu khuyết điểm khá nặng của phương pháp sử học tỷ giảo, nó vẫn còn khá hơn cái phương pháp rõ ràng duy tâm của N. Marr chủ trương phân tích theo bốn yếu tố (2), vì phương pháp kia còn khuyến khích người ta gia công nghiền ngẫm, nghiên cứu các ngôn ngữ, chứ phương pháp của N. Marr chỉ khuyến khích người ta nằm ườn bên lò lửa, chăm chắm tìm cái bí hiểm của bốn yếu tố trứ danh ấy trong đống bã cà-phê.

N. Marr còn kiêu hãnh chỉ trích mọi công trình nghiên cứu về những tập thể (hệ tộc) ngôn ngữ (3), coi đó là sự biểu hiện của thuyết « ngôn ngữ gốc » (4). Thực ra, làm sao lại có thể phủ nhận được mối liên hệ thân thuộc hiển nhiên giữa những ngôn ngữ của các dân tộc như dân

---

(1) Méthode historique comparée.

(2) Analyse à quatre éléments.

(3) Langue originaire.

(4) Groupes (familles) de langues.

tộc Sla-vơ chẳng hạn, và sự nghiên cứu về thân thuộc tính của ngôn ngữ những dân tộc ấy có thể rất bổ ích cho ngôn ngữ học về mặt nghiên cứu những qui luật phát triển của ngôn ngữ. Ấy là chưa nói thuyết «ngôn ngữ gốc» lại không có dính dáng gì ở đây cả.

Khi nghe N.Marr và, nhất là những «môn đồ» của y, người ta tưởng như, trước N.Marr, chưa hề có ngôn ngữ học bao giờ hết, và ngôn ngữ học chỉ xuất hiện với «giáo thuyết mới» của N. Marr. Đến Mác và En-ghen cũng còn khiêm tốn hơn nhiều: cả hai vị đều cho rằng thuyết duy vật biện chứng của mình chỉ là sản phẩm của sự phát triển của khoa học, kể cả triết học, trong thời kỳ đó.

Cho nên, cuộc thảo luận cũng bổ ích trong chừng mực nó đã vạch trần những sai lầm về tư tưởng trong ngôn ngữ học xô-viết.

Tôi tin rằng nếu ngôn ngữ học của chúng ta, gột sạch được những vết sai lầm của N. Marr sớm chừng nào, thì nó càng mau thoát khỏi cơn khủng hoảng hiện nó đang mắc phải chừng ấy.

Thủ tiêu chế độ A-rắc-trê-ép trong ngôn ngữ học, tránh những sai lầm của N. Marr, và áp dụng đúng chủ nghĩa Mác trong ngôn ngữ học, theo ý kiến tôi, đó là con đường sẽ dẫn ngôn ngữ học xô-viết đến bước lành mạnh.

Báo Sự Thật Liên xô ngày 20-6-1950

VÀI VẤN ĐỀ NGÔN NGỮ HỌC

Trả lời đồng chí Kra sê-nin-ni-kô-va

Đồng chí Kra-sê-nin-ni-kô-va,

Xin trả lời những câu hỏi của đồng chí.

Ngôn ngữ với hạ tầng và thượng tầng

1. HỎI : *Bài báo của đồng chí đã chứng minh rõ ràng ngôn ngữ không phải là cơ sở hạ tầng, cũng không phải là kiến trúc thượng tầng. Vậy, coi ngôn ngữ là một hiện tượng riêng biệt đối với cả hạ tầng lẫn thượng tầng, có đúng không ? Hay coi ngôn ngữ là hiện tượng trung gian đúng hơn ?*

ĐÁP : Cái yếu tố chung sẵn có trong tất cả các hiện tượng xã hội, kể cả hạ tầng lẫn thượng tầng, là phục vụ xã hội. Lẽ tự nhiên ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội thì nó cũng phục vụ xã hội, y như các hiện tượng xã hội khác, kể cả hạ tầng lẫn thượng tầng. Nhưng, yếu tố chung sẵn có trong mọi hiện tượng xã hội chỉ có bấy nhiêu thôi

Ngoài ra, có những phân biệt rất lớn giữa những hiện tượng xã hội.

Sự thật, ngoài điểm chung kia ra, những hiện tượng xã hội còn có những đặc thù riêng biệt, do đó người ta có thể phân biệt giữa các hiện tượng ấy với nhau, những đặc thù ấy rất quan trọng đối với khoa học. Đặc thù riêng biệt của hạ tầng là phụng sự xã hội về mặt kinh tế. Đặc thù riêng biệt của thượng tầng là phụng sự xã hội bằng những ý niệm về chính trị, pháp lý, mỹ thuật và nhiều mặt khác nữa, và tạo cho xã hội những chế định tương đương về chính trị, pháp lý và về các mặt khác nữa. Vậy, đặc thù riêng biệt của ngôn ngữ, đặc thù giúp ta phân biệt ngôn ngữ với các hiện tượng xã hội khác là gì? Là phụng sự xã hội, làm phương tiện giao tiếp giữa mọi người, làm phương tiện trao đổi ý kiến trong xã hội, làm phương tiện giúp cho người ta hiểu biết lẫn nhau để cùng nhau tổ chức công tác chung trên mọi lãnh vực hoạt động của nhân sinh, vừa trên lãnh vực sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, vừa trên lãnh vực chính trị lẫn văn hóa, xã hội và sinh hoạt thường ngày. Những đặc thù ấy chỉ riêng ngôn ngữ mới có, và chính vì ngôn ngữ có nên ngôn ngữ mới thành đối tượng nghiên cứu của một khoa học độc lập là ngôn ngữ học. Nếu ngôn ngữ không có những đặc thù riêng biệt ấy,

thì ngôn ngữ học sẽ mất quyền làm một khoa học độc lập.

Tóm lại : ngôn ngữ không thể liệt được vào hàng những hạ tầng hay thượng tầng, ngôn ngữ cũng không liệt được vào hàng những hiện tượng « trung gian » đứng giữa hạ tầng và thượng tầng, vì không hề có những hiện tượng « trung gian » đó bao giờ cả.

Song, có lẽ ngôn ngữ có thể liệt được vào hàng những lực lượng sản xuất của xã hội, vào hàng những công cụ sản xuất, chăng? Thật ra, giữa công cụ sản xuất và ngôn ngữ quả có một mối tương đồng nào, vì công cụ sản xuất, cũng như ngôn ngữ, đều tỏ ra vô can đối với các giai cấp, và có thể phụng sự đều đủ các giai cấp, cũ cũng như mới. Nhưng, trường hợp đó có gì là căn cứ để liệt được ngôn ngữ vào hàng các công cụ sản xuất chăng? Không. không có.

Có một lúc, N. Marr thấy thuyết—«ngôn ngữ», kiến trúc thượng tầng đặt trên cơ sở hạ tầng — của y gặp nhiều phản đối quá, bèn tự mình đính chính lại và lập luận rằng « ngôn ngữ là một công cụ sản xuất ». N. Marr liệt ngôn ngữ vào hàng những công cụ sản xuất như thế, có đúng không? Không, nhất định là không. Sự thật ngôn ngữ và công cụ sản xuất chỉ giống nhau ở điểm tương đồng tôi vừa nói ở trên. Nhưng

về mặt khác, giữa ngôn ngữ và công cụ sản xuất, có một điểm khác nhau căn bản Điểm khác nhau ấy, tức là : công cụ sản xuất tạo ra sản phẩm vật chất, chứ ngôn ngữ không sản tạo ra gì cả, hay chỉ « sản tạo » những lời nói. Nói cho chính xác hơn, những người có công cụ sản xuất có thể tạo ra sản phẩm vật chất, song nếu cũng những người ấy mà họ chỉ có ngôn ngữ, không có công cụ sản xuất thì họ không thể tạo ra sản phẩm vật chất. Có gì đâu là khó hiểu, nếu ngôn ngữ có khả năng tạo ra sản phẩm vật chất thì bọn ba hoa sẽ là những người giàu nhất thế giới.

* *

Ngôn ngữ và ý nghĩa học, văn thể học.

2· HỎI : *Mác và En-ghen định nghĩa ngôn ngữ là « thực tế trực tiếp của tư tưởng » (1), là « ý thức thực tế,..thực tiễn ». Mác nói: «Ý tưởng không thể tồn tại được, nếu thoát ly ngôn ngữ ». Vậy, theo ý kiến đồng chí, trong chừng mực nào, ngôn ngữ học chú ý đến trạng thái ý nghĩa (2) của ngôn ngữ, đến khoa ý nghĩa học và ý nghĩa học lịch sử (3) và văn thể học (4), hay ngôn ngữ học chỉ chuyên chú về hình thức ?*

---

(1) Réalité immédiate de la pensée.

(2) Aspect sémantique.

(3) Sémantique, sémaséologie historique.

(4) Stylistique.

ĐÁP : Khoa ý nghĩa học là một trong những ngành quan trọng của ngôn ngữ học. Trạng thái ý nghĩa của các từ và ngữ rất quan trọng cho việc nghiên cứu ngôn ngữ. Nên ý nghĩa học cần phải có một địa vị đích đáng trong ngôn ngữ học.

Tuy nhiên, trong khi phát triển những vấn đề ý nghĩa học và lợi dụng những luận cứ (1) của ý nghĩa học, ta không được đánh giá quá cao vai trò của ý nghĩa học và càng không được lạm dụng nó. Tôi còn nhớ một số những nhà ngôn ngữ học quá thiên về ý nghĩa học nên không coi ngôn ngữ là « thực tế trực tiếp của tư tưởng », là khăng khít liên hệ với tư duy (2), nên tách rời tư duy ra khỏi ngôn ngữ và cho ngôn ngữ là đã sống quá thời, người ta có thể sinh hoạt không cần đến ngôn ngữ nữa.

Hãy nghe câu nói này của N. Marr : « Ngôn ngữ tồn tại chỉ khi nào ngôn ngữ được biểu diễn thành âm thanh ; còn tác động của tư duy thì có thể xảy ra mà không tự biểu lộ... Ngôn ngữ (khẩu ngữ) hiện nay đã bắt đầu nhường chức vụ ấy cho những phát minh tối tân nhất định sẽ thắng không gian, còn tư duy thì do những cái đã tích góp được trong quá khứ mà

---

(1) Données

(2) Tư duy (pensée)

không dùng đến, và do những cái nó đã thu nhận được mới đây, nó đang tiến lên những trình độ cao vút, vì nhiệm vụ của nó là phải loại ngôn ngữ ra và hoàn toàn thay thế ngôn ngữ. Ngôn ngữ tương lai là tư duy phát triển trên một kỹ thuật được giải thoát khỏi chất tự nhiên. Không một ngôn ngữ nào, kể cả khẩu ngữ, mặc dầu có liên hệ đến những quy luật của tự nhiên, lại có thể chống lại điều ấy được». (Xem N. Marr, *Tuyển tập*).

Nếu đem diễn dịch những câu tối tăm, « kỳ ảo » ấy ra ngôn ngữ thông thường của nhân loại, chúng ta có thể kết luận như sau :

a) N.Marr tách rời tư duy ra khỏi ngôn ngữ ;

b) N.Marr cho rằng sự giao tiếp giữa mọi người có thể tiến hành được mà không cần đến ngôn ngữ, chỉ với tư duy là đủ, tư duy thoát khỏi « chất tự nhiên» của ngôn ngữ, thoát khỏi « những quy tắc của tự nhiên »;

c) Vì tách rời tư duy ra khỏi ngôn ngữ và «giải thoát» tư duy khỏi «chất tự nhiên» của ngôn ngữ, nên N.Marr đã sa vào vũng lầy của chủ nghĩa duy tâm.

Nói rằng những ý tưởng nảy sinh từ trong trí não mà ra, trước khi được biểu diễn thành lời nói, rằng tư tưởng phát sinh không cần ngữ liệu (1), không cần cái vỏ ngôn ngữ bọc ngoài, mà dưới một

(1) Matériau de la langue.

thể trần truồng, chẳng hạn. Nói như thế thật là sai. Mặc dầu những ý tưởng có thể xuất hiện trong đầu óc người ta bằng cách nào chăng nữa, những ý tưởng ấy cũng chỉ xuất hiện và tồn tại được là nhờ vào ngữ liệu, nhờ vào từ, ngữ và câu. Những ý tưởng trần truồng thoát khỏi ngữ liệu, thoát khỏi «chất tự nhiên» của ngôn ngữ,—không thể có được. «Ngôn ngữ là thực tế trực tiếp của tư tưởng» (Mác). Thực tế của tư tưởng biểu lộ được là nhờ ngôn ngữ. Chỉ có bọn duy tâm mới có thể nói đến tư duy không liên hệ đến «chất tự nhiên» của ngôn ngữ, tư duy ngoài ngôn ngữ.

Tóm lại, sự đánh giá quá cao ý nghĩa học và lạm dụng quá đáng ý nghĩa học đã đưa N. Marr đến chủ nghĩa duy tâm.

Cho nên, nếu tránh được cho khoa ý nghĩa học khỏi những bước thái quá và lạm dụng, như N.Marr và một số lớn «môn đồ» của y đã phạm, thì khoa ý nghĩa học sẽ có bổ ích rất nhiều cho ngôn ngữ học.

Nội dung giai cấp của những ý tưởng do ngôn ngữ biểu diễn

3·/ HỎI : *Đồng chí nói rất đúng : giai cấp tư sản và vô sản đều có những ý tưởng, ý niệm, tập tục và những nguyên tắc đạo lý trái ngược hẳn nhau Tính chất giai cấp của những hiện tượng ấy*

quả thật có ảnh hưởng đến trạng thái ý nghĩa của ngôn ngữ (và có khi đến hình thức của ngôn ngữ, đến từ vị của ngôn ngữ, như đã nói rất xác đáng trong bài của đồng chí). Khi nghiên cứu những ngữ liệu cụ thể, và trước hết, trạng thái ý nghĩa của ngôn ngữ, hỏi chúng tôi có thể nói đến thực chất giai cấp của những ý niệm do ngôn ngữ biểu diễn chăng? Đặc biệt là trong những trường hợp ngôn ngữ biểu diễn không những ý tưởng mà cả thái độ của người ta đối với thực tế, trong thái độ biểu hiện đặc biệt rõ rệt lập trường giai cấp (1) ?.

ĐÁP : Nói vắn tắt lại, đồng chí muốn biết có phải giai cấp ảnh hưởng đến ngôn ngữ chăng? Có phải giai cấp cung cấp những từ và ngữ riêng biệt cho ngôn ngữ chăng? Có phải có những trường hợp người ta, tùy theo tính chất giai cấp của mỗi người, mà cùng một từ hay cùng một ngữ lại có thể hiểu bằng nghĩa này hay nghĩa khác, chăng?

Có, giai cấp nhất định có ảnh hưởng đến ngôn ngữ, các giai cấp cung cấp những từ và ngữ riêng biệt của mình cho ngôn ngữ, và cùng một từ hay ngữ có khi lại hiểu một cách khác hẳn nhau. Điều đó chắc chắn như thế.

Tuy nhiên, điều đó không ắt có nghĩa là những từ và ngữ riêng biệt ấy, và cả sự khác nhau về mặt ý nghĩa cũng thế, lại có thể ảnh

(1) appartenance de classe.

hưởng lớn đến sự phát triển của ngôn ngữ duy nhất chung cho toàn dân được, cũng không ắt có nghĩa là ngôn ngữ, vì thế, lại có thể mất ý nghĩa và thay đổi tính chất.

Lẽ thứ nhất, những từ và ngữ riêng biệt ấy, cũng như những trường hợp sai biệt về ý nghĩa có rất ít trong ngôn ngữ, ít đến nỗi khó thể chiếm được một phần trăm trong toàn bộ ngữ liệu. Cho nên, cái khối quan trọng những từ và ngữ còn lại, cũng như những ý nghĩa của những từ và ngữ ấy, vẫn là *chung* cho tất cả các giai cấp trong xã hội.

Lẽ thứ hai, những từ và ngữ đặc biệt và có màu sắc giai cấp ấy, đã được dùng trong lời nói, không theo quy luật của một thứ ngữ pháp « giai cấp » nào, vì thực tế, ngữ pháp giai cấp không có ; mà lại theo quy luật ngữ pháp của ngôn ngữ hiện hữu, chung cho toàn dân.

Do đó, sự tồn tại của những từ và ngữ riêng biệt và những sự kiện sai biệt trong nội dung ý nghĩa của ngôn ngữ, đã không bác bỏ mà, trái lại, còn chứng xác rằng ngôn ngữ duy nhất, chung cho toàn dân là có và cần thiết.

.·.

Phê bình không phải là bỏ hết

4. HỎI : *Trong bài báo, đồng chí đã gọi rất đúng Marr là người đã làm nhàm chủ nghĩa Mác.*

Có phải như thế nghĩa là những nhà ngôn ngữ học, kể cả thế hệ trẻ chúng tôi, phải bỏ **toàn bộ** *di sản ngôn ngữ học của Marr, người mà. dù sao cũng đã có công và đã để lại một số tác phẩm nghiên cứu có giá trị (như đồng chí Chi-kô-ba-va, Xan - giê -ép và nhiều người khác đã nói trong cuộc thảo luận) chăng? Chúng tôi có thể, trong khi nghiên cứu Marr một cách phê phán, rút trong những tác phẩm của Marr những điểm nào bổ ích và có giá trị chăng?*

ĐÁP : Dĩ nhiên, công trình của Marr không phải chỉ gồm toàn sai lầm. N.Marr phạm những sai lầm hết sức tệ, trong khi y đưa vào ngôn ngữ học những yếu tố của chủ nghĩa Mác mà y đã xuyên tạc đi, trong khi y cố ý đề ra một lý thuyết độc lập về ngôn ngữ. Song, N.Marr cũng có một số nào những công trình hay và đặc sắc, trong đó, Marr, vì tạm quên được cái ham vọng đặt ra lý thuyết, đã nghiên cứu một cách có thể nói là đắc lực, những ngôn ngữ đơn độc. Trong những tác phẩm ấy, ta có thể tìm được không ít những điểm có giá trị và bổ ích. Vì thế, rút trong những tác phẩm của N.Marr và sử dụng những cái gì có giá trị và bổ ích, là điều rất chí lý.

*
* *

« Chủ nghĩa hình thức » trong ngôn ngữ học

5. **HỎI :** *Có nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng*

chủ nghĩa hình thức là một trong những nguyên nhân chính làm cho ngôn ngữ học Liên-xô đình trệ. Chúng tôi rất muốn biết ý kiến của đồng chí về chủ nghĩa hình thức trong ngôn ngữ học là thế nào? và làm thế nào để khắc phục nó?

ĐÁP : N.Marr và những «môn đồ» của y buộc tất cả những nhà ngôn ngữ học nào không thừa nhận «học thuyết mới» của N.Marr là hình thức chủ nghĩa. Điều đó hiển nhiên là hàm hồ và không hay.

N.Marr cho ngữ pháp là một «cái gì chỉ có hình thức thôi», và coi như phạm vào chủ nghĩa hình thức những người nào nhận hệ thống ngữ pháp là cơ sở của ngôn ngữ. Điều đó thật là phi lý.

Tôi tưởng « chủ nghĩa hình thức » đó chỉ là một sự bịa đặt do những tác giả của « học thuyết mới » kia dựng lên để dễ bề đấu tranh chống những địch thủ của họ trong ngôn ngữ học.

Cái nguyên do làm đình trệ ngôn ngữ học Liên-xô không phải là « chủ nghĩa hình thức » do bọn N. Marr và « môn đồ » đã bịa đặt ra, mà là chế độ A-rắc-trê-ép (1) và những sai lầm về lý thuyết trong ngôn ngữ học. Chế độ A-rắc-trê-ép cũng do bọn « môn đồ » của N. Marr dựng lên. Chính N. Marr và bọn đồng sự thân cận nhất của y đã đưa sự hỗn loạn về lý thuyết vào ngôn ngữ

(1) Chế độ chuyên chế.

học. Để chấm dứt tình trạng đình trệ ấy, những nguyên nhân nói trên phải được trừ khử. Trừ khử được những căn bệnh ấy, tức là làm cho ngôn ngữ học Liên-xô trở nên lành mạnh, là đưa ngôn ngữ học Liên-xô vào con đường tiến triển rộng rãi thênh thang, làm cho ngôn ngữ học Liên-xô chiếm địa vị cao nhất trong ngôn ngữ học thế giới.

22 tháng 6 - 1950
Sự Thật 4-7-1950

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ

Gửi đồng chí Xan-giê-ép.

Đồng chí Xan-giê-ép thân mến,

Tôi đáp thư của đồng chí khí chậm, vì mới hôm qua đây Văn phòng Trung ương mới chuyền thư ấy lại cho tôi.

Đồng chí diễn dịch rất đúng quan điểm của tôi về vấn đề thổ ngữ.

Thổ ngữ và ngôn ngữ dân tộc

Những thổ ngữ (1) «giai cấp»,—gọi là những kỳ ngữ, đúng hơn—, không phụng sự quần chúng nhân dân mà phụng sự một tầng lớp mong manh chót vót trên nấc thang xã hội. Hơn nữa, những thổ ngữ ấy không có hệ thống ngữ pháp và cũng không có từ vị cơ bản riêng. Do đó, không thể nào tiến thành những ngôn ngữ độc lập được.

Những thổ ngữ địa phương (« các khu vực »)

(1) Thổ ngữ (dialecte).

trái lại, phụng sự quần chúng nhân dân và có hệ thống ngữ pháp và từ vị cơ bản riêng. Vì thế, nhiều thổ ngữ địa phương, trong quá trình thành hình của các dân tộc, có thể trở thành cơ sở của những thổ ngữ dân tộc và biến chuyển thành những ngôn ngữ dân tộc độc lập. Đó chính là trường hợp của thổ ngữ Kursk-Orel («thổ âm» (1) của Kursk-Orel) trong ngôn ngữ Nga, chẳng hạn, nó đã được dùng làm cơ sở cho ngôn ngữ dân tộc Nga. Có thể nói rằng thổ ngữ Pon-ta-va Ki-ep trong ngôn ngữ U-kờ-ren cũng thế, nó đã trở thành cơ sở của ngôn ngữ dân tộc U-kờ-ren. Còn những thổ ngữ khác trong ngôn ngữ ấy thì lại mất tính chất độc đáo riêng đi mà hòa lẫn và mất tích luôn trong những ngôn ngữ ấy.

Cũng có những quá trình ngược lại là khi nào một dân có ngôn ngữ thống nhất, vì thiếu điều kiện kinh tế cần yếu để phát triển chưa tiến lên thành dân tộc, mà ngôn ngữ thống nhất đã bị phá sản do quốc gia của dân ấy bị tan rã gây nên, và khi nào những thổ ngữ địa phương chưa có đủ thì giờ để trộn lẫn với nhau thành một ngôn ngữ thống nhất mà vẫn còn sống sót để làm nguồn cấu tạo cho những ngôn ngữ riêng biệt. Ngôn ngữ Mông-cổ thống nhất, chẳng hạn, chính là loại thuộc vào trường hợp như thế.

Ngày 11 tháng 7 năm 1950

Sự Thật Liên-xô 2-8-1950

---

(1) Thổ âm (parler)

Gửi các đồng chí Đ. Ben-kin và X. Phu-re

Tôi đã nhận được thư của các đồng chí.

Sự sai lầm của các đồng chí nằm vào chỗ các đồng chí đã lẫn lộn hai điều khác hẳn nhau và đã đem thay đối tượng nhận xét trong bức thư trả lời của tôi cho đồng chí Kra-sê-nin-ni-kô-va bằng một đối tượng khác.

Ngôn ngữ học với những người câm điếc.

1. Trong bức thư trả lời ấy, tôi phê bình N. Marr, khi nói về ngôn ngữ (khẩu ngữ) và tư duy, y đã tách rời ngôn ngữ ra khỏi tư duy và, do đó, đã sa vào chủ nghĩa duy tâm. Như thế, trong bức thư trả lời của tôi, là nói về những người bình thường nói được. Tôi quả quyết hơn nữa rằng, với những người ấy, những người nói được thì tư duy chỉ có thể xuất hiện trên cơ sở của ngữ liệu, và đối với những người nói được, thì không hề có những tư duy nào trơ trụi mà lại không dính dáng gì đến ngữ liệu.

Đáng lẽ phải chấp nhận hoặc bác bỏ thuyết ấy, các đồng chí lại đi thay thế vào bằng những

người có cơ thể khác thường, những người cấm khẩu, những người câm điếc không nói được, thì lẽ tự nhiên, tư duy của những người ấy không thể nào xuất hiện trên cơ sở của ngữ liệu. Các đồng chí thấy chứ, đó là một vấn đề khác hẳn, tôi có bàn đến đâu và cũng không thể bàn đến, vì ngôn ngữ học chỉ chú trọng đến những người bình thường nói được, chứ không chú trọng đến những người có cơ thể khác thường, những người câm điếc không nói được.

Các đồng chí đã thay thế vào đề thảo luận bằng một đề khác không hề được đặt ra để thảo luận.

2/ Cứ theo bức thư của đồng chí Ben-kin, thì đồng chí ấy đã đặt ngang hàng « khẩu ngữ » (lời nói thành tiếng) với « lời nói bằng điệu bộ » (lời nói « bằng tay », theo tiếng của N.Marr). Rõ ràng đồng chí tưởng rằng ngôn ngữ bằng điệu bộ và ngôn ngữ thành tiếng là tương đồng với nhau, rằng đã có một thời kỳ nào đó xã hội loài người không có khẩu ngữ, và lời nói « bằng tay » hồi đó đã được dùng để thay cho khẩu ngữ mãi sau này mới xuất hiện.

Nhưng, nếu đồng chí Ben-kin quả thật đã nhận định như thế, thì đồng chí đã phạm một sai lầm lớn. Ngôn ngữ thành tiếng hay khẩu ngữ vẫn luôn luôn là tiếng nói duy nhất của xã hội loài người, nó có đủ khả năng làm một phương tiện

giao tiếp hoàn toàn có giá trị giữa mọi người. Lịch sử không hề biết có một xã hội loài người nào, dù lạc hậu đến đâu chăng nữa, lại không có ngôn ngữ thành tiếng. Nhân chủng học không hề biết có một dân nhỏ bé lạc hậu nào — dù cũng lạc hậu hay còn lạc hậu hơn người Úc châu hay dân Đất Lửa thế kỷ trước, chẳng hạn, — lại không có ngôn ngữ thành tiếng. Ngôn ngữ thành tiếng, trong lịch sử của nhân loại, là một trong những lực lượng đã giúp cho người ta để tự phân biệt với loài thú để tập hợp thành xã hội, phát triển năng lực tư tưởng của mình, để tổ chức sự sản xuất xã hội, đấu tranh thắng các lực lượng của tự nhiên và đạt đến bước tiến bộ mà chúng ta thấy hiện nay.

Về phương diện ấy, vai trò của tiếng nói gọi là bằng điệu bộ không có gì đáng kể, vì sự nghèo nàn vô cùng và tính chất hữu hạn của nó. Nói cho đúng ra, nó không phải là một ngôn ngữ, cũng không phải là một thứ ngôn ngữ giả tạo có thể, bằng cách này hay cách khác, thay thế cho ngôn ngữ thành tiếng, mà là một phương tiện phụ, khả năng rất hạn chế, có đôi khi được người ta dùng để nhấn mạnh đoạn này hay đoạn khác trong lời nói. Người ta không thể so sánh ngôn ngữ bằng điệu bộ với ngôn ngữ thành tiếng, cũng như không thể so sánh cái cuốc gỗ đời thượng cổ với cái máy kéo tối tân có bánh xe vòng xích và đủ cả máy cày năm hàm răng và máy gieo.

3/ Hiển nhiên, các đồng chí đã chú trọng trước hết đến những người câm điếc, rồi, chỉ sau đó, mới chú trọng đến các vấn đề ngôn ngữ học. Có lẽ chính là do đó mà các đồng chí đã đặt một số câu hỏi để hỏi tôi. Được, nếu các đồng chí cứ khăng khăng muốn biết, tôi cũng sẵn lòng để làm thỏa mãn lời yêu cầu của các đồng chí, vậy đối với những người câm điếc, vấn đề là thế nào? Họ có năng lực tư tưởng không? Họ có tư duy chăng? Có, Họ có năng lực tư tưởng, họ có tư duy, ai cũng biết rằng những người câm điếc, đã không nói ra tiếng được, thì tư tưởng của họ không thể thành hình trên cơ sở ngữ liệu được. Điều đó có phải có nghĩa là tư duy của những người câm điếc là trơ trụi, không liên hệ gì đến những «quy tắc của tự nhiên» (thành ngữ này của N.Marr) chăng? Dĩ nhiên không. Tư duy của những người câm điếc chỉ được hình thành và chỉ có thể tồn tại là trên cơ sở của những hình ảnh, những cảm giác (1), những tượng hình (2) xảy ra trong đầu óc họ trải qua cuộc sống thường ngày, về những vật thể của ngoại giới và về những mối quan hệ giữa những vật thể ấy với nhau, nhờ nhận thức của thị giác, xúc giác, vị giác, khứu giác. Ngoài những hình ảnh, cảm giác, tượng hình ấy ra, tư duy của họ trống rỗng, không có nội dung gì cả, tức là không tồn tại.

Ngày 22 tháng 7-1950

Sự Thật, ngày 22 tháng 8-1950

---

(1) Cảm giác (perception)

(2) Tượng hình (Représentation)

CHỦ NGHĨA MÁC LÀ THÙ ĐỊCH CỦA BỆNH GIÁO ĐIỀU

Gửi đồng chí A Khô-lô-pốp,

Tôi đã nhận được thư của đồng chí.

Tôi trả lời hơi chậm vì tôi bận công việc quá nhiều.

Thư của đồng chí bao hàm hai giả định (1) : thứ nhất, giả định rằng người ta được phép rút dẫn chứng trong những tác phẩm của tác giả này hay tác giả khác, bằng cách *tách rời* dẫn chứng ấy khỏi thời kỳ lịch sử quan hệ đến câu trích dẫn; và thứ hai, giả định rằng những kết luận và định thức này hay định thức khác của chủ nghĩa Mác rút trong sự nghiên cứu về một trong những thời kỳ phát triển lịch sử nào đó là đúng cho tất cả mọi thời kỳ phát triển khác và, như thế, tức là phải để *y nguyên bất di bất dịch.*

---

(1) Giả định (supposition)

Tôi phải nói rằng hai giả định ấy sai vô cùng.

Đây là một vài thí dụ :

1) Vào khoảng 1840—1850, khi chưa có chủ nghĩa tư bản độc quyền khi chủ nghĩa tư bản còn phát triển một cách ít hay nhiều đều đặn, đang tiến lên và bành trướng ra những lãnh thổ mới chưa bị chiếm cứ, và khi luật phát triển bất đồng chưa có thể biểu hiện ra đầy đủ, thì Mác và Enghen kết luận rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thắng trên một nước nào riêng rẽ, mà chỉ có thể thắng là sau khi có một cuộc nổi dậy chung, trên tất cả các nước văn minh, hay phần lớn các nước ấy. Câu kết luận ấy, sau đó, đã trở thành một phương châm chỉ đạo cho tất cả mọi người Mác-xít.

Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ XX, nhất là trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, khi tất cả mọi người đều thấy rõ ràng chủ nghĩa tư bản tiền độc quyền (1) đã hiển nhiên chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản độc quyền, khi chủ nghĩa tư bản tiến thời (2) đã chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản hấp hối, khi chiến tranh đã phơi trần những nhược điểm bất trị (3) của mặt trận đế quốc thế giới, và khi luật phát triển bất đồng đã khiến cách mạng vô sản chín theo từng thời kỳ

(1) Tiền độc quyền (prémonopoliste).

(2) Capitalisme ascendant.

(3) Faiblesses incurables.

khác nhau, trong từng nước khác nhau, thì Lê-nin căn cứ vào lý luận, Mác-xít đã kết luận rằng, trong những điều kiện mới của bước phát triển, cách mạng xã hội chủ nghĩa rất có thể thắng trên một nước riêng rẽ ;— rằng sự thành công cùng một lượt của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên tất cả các nước hay trên phần lớn những nước văn minh, không thể nào có được, vì cách mạng chín không đều trên những nước ấy ;— rằng định thức cũ của Mác và En-ghen không còn thích hợp với điều kiện lịch sử mới nữa.

Như ai nấy đều thấy, ở đây, chúng ta có hai kết luận khác hẳn nhau về vấn đề thành công của chủ nghĩa xã hội, những kết luân ấy không những trái ngược nhau và tại không thể tương dung.

Bọn kinh viện và thày pháp (1) không hiểu sự vật thấu đáo, họ dẫn sách một cách máy móc và tách rời khỏi những điều kiện lịch sử. Bọn ấy có thể cho rằng phải vứt bỏ một trong hai kết luận ấy đi, coi như hoàn toàn sai, còn kết luận kia thì coi như hoàn toàn đúng và phải được áp dụng vào tất cả các thời kỳ của bước phát triển. Song, những người Mác-xít không thể không hiểu rằng bọn kinh viện và thày pháp ấy lầm, họ không thể không hiểu rằng cả

(2) (talmudistes)

hai kết luận ấy đều đúng, nhưng không tuyệt đối; — rằng mỗi kết luận đúng cho một thời kỳ riêng: kết luận của Mác và En-ghen đúng cho thời kỳ chủ nghĩa tư bản tiền độc quyền, còn kết luận của Lê-nin lại đúng cho thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền.

2/ En-ghen đã nói trong cuốn *Chống Đu-rinh* rằng sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, Nhà nước phải tiêu vong. Chính vì cái lý lẽ ấy mà, sau khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công trong nước ta, bọn kinh viện và thày pháp trong Đảng ta đã bắt đầu đòi Đảng phải có biện pháp để làm cho nhà nước mau chóng tiêu vong, để giải tán các bộ máy Nhà nước và không để quân đội thường trực nữa.

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thế giới ngày nay, những người Mác-xít xô-viết đã đi đến kết luận rằng: trong khi vòng vây tư bản còn, cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ diễn ra trên một nước riêng rẽ và chủ nghĩa tư bản òn thống ngự trên tất cả các nước khác, thì nước cách mạng thành công không được để cho suy yếu, mà trái lại còn phải củng cố đến cùng Nhà nước của nó, bộ máy Nhà nước, những công tác tình báo, quân đội, nếu nước ấy không muốn bị vòng vây tư bản bóp nghẹt. Những người Mác-xít Nga đã đi

đến kết luận rằng định thức của En-ghen là nhằm sự thành công của chủ nghĩa xã hội trên tất cả các nước hay trên phần lớn các nước, định thức ấy không thể áp dụng được vào trường hợp chủ nghĩa xã hội thắng trên một nước riêng rẽ duy nhất, trong khi chủ nghĩa tư bản còn thống ngự trên tất cả các nước khác.

Như ai nấy đều thấy, ở đây, chúng ta có hai định thức khác hẳn nhau về vấn đề vận mạng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, hai định thức không thể tương dung.

Bọn kinh viện và thầy pháp có thể nói rằng trường hợp ấy đã tạo ra một tình trạng khó xử nên phải vứt bỏ một trong những định thức ấy đi, coi như hoàn toàn sai, và áp dụng cái kia coi như hoàn toàn đúng, vào tất cả các thời kỳ phát triển của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng, những người Mác-xít không thể không biết rằng bọn kinh viện và thầy pháp lầm, vì hai định thức ấy đúng, song không tuyệt đối, mỗi cái đúng cho một thời kỳ riêng : định thức của các nhà Mác-xít xô-viết đúng cho thời kỳ chủ nghĩa xã hội đã thành công trong một hay nhiều nước, còn định thức của En-ghen lại đúng cho thời kỳ mà sự thành công tuần tự của chủ nghĩa xã hội trong nhiều nước sắp đưa đến sự thành công của chủ nghĩa xã hội trong phần lớn các nước, và do đó, trong các

nước ấy, những điều kiện cần yếu cho sự áp dụng định thức của En-ghen sẽ được tạo ra.

Người ta có thể kể rất nhiều thí dụ như thế.

Đối với hai định thức khác về vấn đề ngôn ngữ, trong những tác phẩm của Sta-lin, được đồng chí Khô-lô-pốp trích dẫn trong bức thư của đồng chí, cũng phải nói như thế.

Đồng chí Khô-lô-pốp căn cứ vào tác phẩm của Sta-lin *Bàn về chủ nghĩa Mác trong ngôn ngữ học*, trong đó có câu kết luận nói rằng sau khi hai ngôn ngữ phối hợp, chẳng hạn, thì một trong những ngôn ngữ ấy thường thường thắng, còn ngôn ngữ kia bị tiêu diệt, vì thế, sự phối hợp không đẻ ra một ngôn ngữ mới, một ngôn ngữ thứ ba nào cả, mà lại bảo toàn một trong hai ngôn ngữ ấy. Sau đó, đồng chí ấy lại căn cứ vào một kết luận khác rút trong bản báo cáo của Sta-lin ở Đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) Liên-xô, nói rằng trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội thành công, trong phạm vi toàn thế giới, khi xã hội chủ nghĩa được củng cố và đi vào đời sống hàng ngày, thì những ngôn ngữ dân tộc tất nhiên phải hòa hợp lại thành một ngôn ngữ công cộng, ngôn ngữ ấy chắc chắn sẽ chẳng phải là ngôn ngữ Nga hay Đức mà là một cái gì mới, Khi đem đối chiếu hai định thức ấy, và thấy rằng những định thức ấy không những không ăn khớp với nhau, mà còn xung khắc nhau nữa, đồng chí Khô-lô-pốp thất vọng. « Theo bài của đồng chí Khô-

lô-pốp viết trong thư, — tôi đã hiểu rằng, do sự phối hợp của các ngôn ngữ, *không bao giờ* lại có thể nảy ra một ngôn ngữ nào mới, chứ không phải như trước kia, khi chưa có bài ấy, tôi vẫn đinh ninh tin chắc chắn, đúng như lời tuyên bố của đồng chí tại Đại hội thứ XVI của Đảng cộng sản (b) Liên - xô rằng dưới *chế độ cộng sản*, những ngôn ngữ sẽ hòa hợp lại thành một ngôn ngữ công cộng duy nhất »

Hiển nhiên, sau khi đã tìm ra một mâu thuẫn giữa hai định thức ấy, và tin tưởng một cách sâu xa rằng mâu thuẫn ấy phải được giải quyết, đồng chí Khô - lô - pốp cho là cần phải vứt bỏ một trong những định thức ấy, coi như sai lầm và phải nắm lấy định thức kia, coi như đúng cho tất cả mọi thời gian và tất cả các nước. Song, phải nắm lấy định thức nào, đồng chí không biết. Kết quả đã đưa đến chỗ bế tắc. Đồng chí Khô-lô-pốp cũng không hề nghĩ được rằng hai định thức có thể đúng cả hai, mỗi cái đúng cho một thời kỳ.

Bọn kinh viện và thầy pháp luôn luôn như thế. Họ không đi sâu vào sự vật, chỉ dẫn sách một cách máy móc, không chú ý gì đến điều kiện lịch sử quan hệ đến những câu trích dẫn ấy, luôn luôn sa vào tình trạng bế tắc.

Tuy thế, nếu người xét tận gốc rễ vấn đề, thì có lý nào lại coi tình trạng ấy là bế

tắc được. Sự thật, bài của Sta-lin *Bàn về chủ nghĩa Mác trong ngôn ngữ học* và lời tuyên bố của Sta-lin ại Đại hội thứ XVI của Đảng, nhằm hai thời kỳ khác hẳn nhau, vì thế, chính là hai định thức khác hẳn nhau.

Cái định thức của Sta-lin trong bài nói về vấn đề phối hợp giữa những ngôn n gữ, nhằm thời kỳ *trước khi chủ nghĩa xã hội thành công* trong phạm vi toàn thế giới, khi những giai cấp bóc lột còn là lực lượng thống trị thế giới ; khi sự áp bức dân tộc và thuộc địa còn tồn tại ; khi tình trạng các dân tộc biệt lập và hiềm nghi lẫn nhau vẫn được duy trì với sự khác biệt giữa quốc gia này với quốc gia khác ; khi chưa có sự bình quyền giữa các dân tộc ; khi sự phối hợp giữa các ngôn ngữ đang diễn ra trong cuộc đấu tranh giành quyền thống ngự cho một trong những ngôn ngữ ấy, khi chưa có những điều kiện cần thiết cho sự hợp tác hòa bình và thân ái giữa các dân tộc và các ngôn ngữ; khi vấn đề thường ngày đặt ra không phải là sự hợp tác và bồi bổ lẫn nhau giữa các ngôn ngữ, mà là sự đồng hóa của những ngôn ngữ này và sự toàn thắng của những ngôn ngữ khác. Trong những điều kiện ấy thì chỉ có thể có những ngôn ngữ đắc thắng và những ngôn ngữ bại vong thôi. Định thức của Sta-lin chính đã nhằm những điều kiện

ấy, khi nói rằng sự phối hợp giữa hai ngôn ngữ, chẳng hạn, không đưa đến một ngôn ngữ mới nào cả mà lại đưa đến sự đắc thắng của một trong hai ngôn ngữ ấy và sự bại vong của ngôn ngữ kia.

Còn cái định thức kia của Xta-lin rút trong bài diễn văn đọc tại Đại hội XVI của Đảng, nói về sự hợp nhất nhiều ngôn ngữ thành một ngôn ngữ chung duy nhất, định thức ấy nhằm một thời kỳ khác, chính là thời kỳ *sau khi chủ nghĩa xã hội thành công* trong phạm vi toàn thế giới, khi chủ nghĩa đế quốc thế giới không tồn tại nữa ; khi những giai cấp bóc lột đã bị lật đổ rồi, sự áp bức dân tộc và thuộc địa đã được thủ tiêu, tình trạng biệt lập của các dân tộc và hiềm nghi lẫn nhau giữa các dân tộc được thay thế bằng sự tin cậy và gần gũi lẫn nhau, sự bình quyền giữa các dân tộc được biểu hiện trong đời sống thực tế ; khi chính sách áp bức và đồng hóa các ngôn ngữ sẽ bị thủ tiêu, khi sự hợp tác giữa các dân tộc được tổ chức và các ngôn ngữ dân tộc trong sự hợp tác sẽ có khả năng bồi bổ lẫn nhau một cách hoàn toàn tự do. Trong những điều kiện ấy, thì không thể còn có vấn đề áp bức và bại vong của những ngôn ngữ này và đắc thắng của những ngôn ngữ khác nữa. Ở đây, chúng ta sẽ không nói đến hai ngôn ngữ mà một trong số ấy bị bại vong, còn ngôn ngữ kia đắc thắng trong cuộc đấu tranh, nhưng nói đến hàng trăm ngôn ngữ dân tộc, trong

đó, với sự hợp tác về kinh tế, chính trị và văn hóa lâu dài giữa các dân tộc, những ngôn ngữ khu vực thống nhất, phong phú nhất sẽ tách rời ra trước; rồi sau đó, những ngôn ngữ khu vực sẽ hợp nhất thành một ngôn ngữ quốc tế thống nhất, công cộng, ngôn ngữ ấy, lẽ tự nhiên, sẽ không phải là ngôn ngữ Đức hay Nga, hay Anh mà một ngôn ngữ mới, thâu tóm được đầy đủ những yếu tố ưu tú nhất của những ngôn ngữ dân tộc và khu vực kia.

Vì thế, đó là hai định thức khác nhau, thích hợp cho hai thời kỳ khác nhau trên bước phát triển của xã hội và chính vì thích hợp cho những thời kỳ ấy nên cả hai định thức đều đúng, mỗi cái đúng cho một thời kỳ.

Đòi cho những định thức ấy đừng trái ngược và xung khắc nhau, như thế cũng vô lý không khác đòi cho thời kỳ thống trị của chủ nghĩa tự bản đừng mâu thuẫn với thời kỳ thống trị của chủ nghĩa xã hội, đòi cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đừng xung khắc nhau.

Bọn kinh viện và thày pháp coi chủ nghĩa Mác, coi những kết luận và định thức của chủ nghĩa Mác như một mớ giáo điều *không bao giờ* di dịch, ngay cả trong khi những điều kiện phát triển của xã hội đã thay đổi. Họ tưởng rằng nếu học thuộc lòng những kết luận và định thức ấy và cứ đem ra chứng dẫn bừa đi, là họ sẽ có thể giải

quyết được bất cứ vấn đề nào, họ tin rằng những qui kết và định thức học thuộc lòng ấy sẽ dùng được trong tất cả mọi thời gian, tất cả mọi nơi, tất cả mọi hoàn cảnh trong thực tế. Nhưng, chỉ có những người nào nhìn thấy chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác mà không thấy thực chất, học thuộc những kết luận và định thức của chủ nghĩa Mác mà không hiểu nội dung, mới có thể nghĩ như thế.

Chủ nghĩa Mác là khoa học những quy luật phát triển của tự nhiên và của xã hội khoa học cách mạng của những quần chúng bị áp bức và bóc lột, khoa học làm cho chủ nghĩa xã hội thắng trên tất cả các nước, khoa học kiến thiết xã hội cộng sản. Chủ nghĩa Mác đã là một khoa học, thì không thể đứng nguyên một chỗ : nó phát triển và tự cải tiến. Trong sự phát triển của nó, chủ nghĩa Mác không thể không tự bồi bổ bằng những kinh nghiệm mới và những tri thức mới ; vì thế một số nào những định thứ và kết luận của nó không thể không biến đổi với thời gian, không thể không được thay thế bằng những định thức và kết luận mới, thích hợp với những nhiệm vụ lịch sử mới. Chủ nghĩa Mác không thừa nhận những kết luận và định thức bất di bất dịch, bắt buộc tất cả các thời đại và tất cả các thời kỳ phải theo, chủ nghĩa Mác là thù địch của mọi chủ nghĩa giáo điều.

Ngày 28 tháng 7 năm 1950
Sự thật ngày 2 tháng 8-1950.

